BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

# TiếngAnh





NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

English

#### **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

NGUYỄN VÁN LỢI (Tổng chủ biến) NGUYỄN HẠNH DUNG (Chủ biến) - ĐẶNG VĂN HÙNG ĐÀO NGOC LỘC - THÂN TRONG LIỀN NHÂN - TRẦN HUY PHƯƠNG

# TIẾNG ANH

8

(Tái bàn lần thứ bày)

NHÀ XUẤT BÀN GIÁO DỰC VIỆT NAM

Chụi trách nhiệm xuất bản: Chu tịch HĐQT kiệm Tông Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI

Phó Tông Giám đốc kiệm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Biện tập lần đầu: TRẦN THỊ KHÁNH - ĐẢNG ĐỰC TRUNG

Biến tập tái bản: TRẦN THU HÀ - TRẦN THỊ KHANH

Biến tập mĩ thuật, mình hoạ: TÀO THANH HUYỀN

Thiết kế sách: NGUYỄN TIẾN DỮNG

Trình bày bìa: BÙI QUANG TUẤN Sửa bán in: TRẦN THU HÀ

Chế bản : CÔNG TY CỔ PHẦN MỊ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam - Bộ Giáo dục và Đào tạo

#### **TIẾNG ANH 8**

Mã số : 2H820T1

In 160.000 cuốn (ST), khổ 17x24 (cm). In tại Công ti cổ phần in Phúc Yên.

Số in : 04. Số XB : 01-2011/CXB/85-1235/GD. In xong và nộp lưu chiều tháng 01 năm 2011.

# Lời giới thiệu

**Tiếng Anh 8** dành cho các em học sinh lớp 8, bậc Trung học cơ sở, đã học qua hai cuốn sách cùng bộ: Tiếng Anh 6 và Tiếng Anh 7, hoặc các chương trình khác có trình độ tương đương.

Tiếng Anh 8 nhằm tiếp tục nâng cao trình độ tiếng Anh của các em bằng cách phối hợp ren luyện các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cao hơn, thông qua các bài học có nội dung phong phú, sinh động.

Tiếng Anh 8 gồm 16 đơn vị bài học (unit) cho khoảng 90 tiết học trên lớp. Mỗi đơn vị bài học bao gồm các mục sau:

- 1. Getting started nhằm khai thác vốn từ vựng, cấu trúc và kiến thức có sắn của học sinh liên quan đến nội dung chủ điểm bài học; là bước gây hưng thủ, chuẩn bị cho bài học mới.
- 2. Listen and read là một bài hội thoại nhằm giới thiệu nội dung chủ điểm, ngữ pháp, từ vụng hoặc các chức năng giao tiếp trong đời sống hàng ngày. Ở phần này sẽ có các câu hỏi hoặc các bài tập nhằm kiểm tra múc độ hiểu bài hội thoại, đồng thời giúp các em chú ý vào những nội dung thông tin và ngữ liệu chính của bài.
- 3. Speak là phần luyện nói, giúp các em tập sử dụng các cấu trúc và từ vựng để thực hiện các mục đích giao tiếp khác nhau có liên quan đến nội dung chủ để bài học.
- 4. Listen là bài luyện nghe hiểu có liên quan đến chủ đề bài học, một mặt nhằm cùng cố các cấu trúc, từ vựng đã học; mặt khác nhằm bước đầu giúp các em rèn luyện kĩ năng nghe hiểu đề lấy thông tin, phục vụ cho các mục đích trong đời sống.
- 5. Read là bài đọc hiểu, nhằm mở rộng nội dung chủ điểm, mở rộng cấu trúc, từ vụng, đồng thời phát triển kĩ năng đọc hiểu cho các em.
- 6. Write là bài tập viết, giúp các em cùng cổ lại những ngữ liệu đã học, đồng thời giúp các em học cách diễn đạt các nội dung giao tiếp qua ngôn ngữ viết và làm quen với một số thể loại viết đơn giản phục vụ cho các mục địch giao tiếp hàng ngày như viết thư, viết bưu thiếp, giấy mời v.v.
- 7. Language focus là những bài tập ngữ pháp giúp các em luyện tập, cùng cố và hệ thống lại các cấu trúc trọng tâm của bài.

Cuối sách là bảng từ vựng.

Đi kèm với cuốn sách này có hai băng ghi âm do người bản ngữ đọc: một băng dùng trên lớp, gồm nội dung các bài hội thoại và các bài luyện nghe hiểu; một băng bổ trợ gồm nội dung các bài khoá trong sách để các em có thể luyện thêm về nghe, phát âm; một cuốn sách bài tập để các em luyện tập sử dụng ngữ liệu và cùng cố bài.

Chúng tôi hi vọng cuốn sách sẽ đem lại nhiều điều bổ ích cho các em học sinh.

Các tác giả

#### Units

#### Competencies

1

My friends

page 10

- Introduce people
- · Respond to introductions
- · Describe people
- · Write about oneself and about other people

2

Making arrangements

page 18

- · Talk about intentions
- Use the telephone to make and confirm arrangements
- Take a telephone message

3

At home

page 27

- Describe places
- · Describe situations
- Ask for and give reasons
- Write a description of a room

4

Our past

page 38

- · Talk about past events
- Express feelings
- · Distinguish between facts and opinions
- Write a short imaginary story

5

Study habits

page 46

- Give instructions and advice
- Express obligation
- Write a letter to a friend

6

The young pioneers club

page 54

- · Talk about the future
- · Ask for favors and offer assistance
- · Write a letter telling about a future plan

#### Language Focus

#### Language Review

- · Simple tenses
- Present simple to talk about general truths
- (not) adjective + enough + to-infinitive
- Simple tenses
- · Attributive and predicative adjectives

- · Talk about intentions with be going to
- · Adverbs of place

· Future with be going to

- Reflexive pronouns
- · Modals: must, have to, ought to
- · Why Because

· Why - Because

- · Past simple
- Prepositions of time: in, on, at, after, before, between
- · used to

- · Past simple
- Prepositions of time

- · Adverbs of manner
- · Modal: should
- Commands, requests and advice in reported speech

- Imperatives
- · Modal: should

- · Present simple with future meaning
- Gerunds
- · Modals: may, can, could

- · Present simple
- · Modals: may, can, could

# Units

#### Competencies

7

My neighborhood

page 63

- Make comparisons
- · Ask for information and assistance
- · Write a community notice

8

Country life and city life

page 72

- · Talk about differences
- · Talk about future events and changes
- · Write a letter to a friend

9

A first-aid course

page 80

10

Recycling

page 89

- · Make and respond to offers, promises and requests
- · Give instructions
- · Write a thank-you note

· Give and respond to instructions

- · Talk about feelings
- Write a set of instructions

11

Traveling around Viet Nam

page 98

- Express interest
- · Make and respond to formal requests
- Make suggestions
- Complete a narrative

12

A vacation abroad

page 111

- Make plans
- · Make, accept and decline invitations
- · Ask and answer about the weather
- · Write a postcard

#### Language Focus

Language Review

- Present perfect with for and since
- Comparison with like, (not) as ... as, (not) the same as, different from
- Comparison with like, (not) as ... as, (not) the same as, different from

- · Present progressive
  - to talk about the future
  - to show changes with get and become .
- Comparative and superlative adjectives
- · Present progressive
- · Comparative and superlative adjectives

- · in order to, so as to
- Future simple
- Modal will to make requests, offers and promises

Future simple

- · Passive forms
- Adjectives followed by an infinitive
  - a noun clause
- · Present simple
- · Future simple

- · -ed and -ing participles
- · Requests with
  - Would / Do you mind if ...?
    - Would / Do you mind + V-ing?
- · -ed and -ing participles

- · Past progressive
- Past progressive with when and while
- · Progressive tenses with always

Past progressive

#### Units

#### Competencies

13

**Festivals** 

page 121

- · Ask for explanation of events
- · Give an account of something
- · Write a paragraph about what was done

14

Wonders of the world

page 131

- · Seek information
- · Recognize and correct mistakes
- · Prepare and complete a questionnaire
- · Write a letter to a friend

15

Computers

page 138

- · Express opinions
- · Agree and disagree
- · Complete a flow chart
- · Write a set of instructions

16

Inventions

page 147

- · Say what something was like
- · Talk about processes
- · Write about a process

#### Language Focus

#### Language Review

- Passive form: be + past participle
- Compound words
- · Reported speech

Reported speech

- · Passive forms
- · Indirect questions with if and whether
- · Question words before to-infinitives
- Verb + to-infinitives

· Passive forms

- Present perfect with yet and already
- Comparison of present perfect and past simple
- · Present perfect
- · Past simple

- · Passive forms
- · Sequence markers

Passive forms

### UNIT 1

# MY FRIENDS

#### GETTING STARTED.

Describe these groups of friends and their favorite activities.

a)



c)



b)



d)



#### LISTEN AND READ.

Hoa: H

Hello, Lan.

Lan: Hi, Hoa. You seem happy.

Hoa: I am. I received a letter from my

friend Nien today.

Lan: Do I know her?

Hoa: I don't think so. She was my

next-door neighbor in Hue.

Lan: What does she look like?

Hoa: Oh. She's beautiful. Here is

her photograph.

Lan: What a lovely smile! Was she your

classmate?

Hoa: Oh, no. She wasn't old enough to be in my class.

Lan: How old is she?

Hoa: Twelve. She's going to visit me. She'll be here at Christmas.

Would you like to meet her?

Lan: I'd love to.

#### 1. Practice the dialogue with a partner.

#### 2. Answer the following questions.

- a) Where does Nien live?
- b) Does Lan know Nien?
- c) Which sentence tells you that Hoa is older than Nien?
- d) When is Nien going to visit Hoa?

#### SPEAK.

#### 1. Read the dialogue.

**Hoa:** This person is short and thin.

She has long blond hair.

Lan: Is this Mary?

Hoa: Yes.



#### 2. Now take turns to make similar dialogues. Use the adjectives in the table.

bu	ild
tall	slim
short	thin
fat	

hair					
long	straight	black/dark			
short	curly	blond/fair			
	bald	brown			



Van





Mr. Lai

Miss Lien







f)

Mary

LISTEN.

Listen and complete the conversations. Use the expressions in the box.

How do you do
Nice to meet you
It's a pleasure to meet you
I'd like you to meet
come and meet

a)	Hoa:	Hello, Nam.				
	Nam:	Morning, Hoa.				
	Hoa:	Nam, (1)	my cousin, Thu.			
	Nam:	(2),	Thu.			
	Thu:	Nice to meet you too, Nam.				
b)	Khai:	Miss Lien, (3)	my mother			
	Miss Lien:	(4)	, Mrs. Vi.			
	Mrs. Vi:	The pleasure is all mine, Miss	Lien.			
	Miss Lien:	1: Oh, there is the principal. Please excuse me, Mrs. Vi, but must talk to him.				
	Mrs. Vi:	Certainly.				

c) Ba: Bao, (5) \_\_\_\_\_ my grandmother.

Bao: Hello, ma'am.

Grandmother: Hello, young man.

Ba: Bao is my classmate, grandmother.

Grandmother: What was that?

Ba: Classmate! Bao is my classmate.

Grandmother: I see.

d) Mr. Lam: Isn't that Lan's father, my dear?

Mrs. Linh: I'm not sure. Go and ask him.

Mr. Lam: Excuse me. Are you Mr. Thanh?

Mr. Thanh: Yes, I am.

Mr. Lam: I'm Lam, Nga's father.

Mr. Thanh: (6)

#### READ.

Ba is talking about his friends

I am lucky enough to have a lot of friends. Of all my friends, Bao, Khai, and Song are the ones I spend most of my time with. Each of us, however, has a different character.

Bao is the most sociable. He is also extremely kind and generous. He spends his free time doing volunteer work at a local orphanage, and he is a hard-working student who always gets good grades.



Unlike Bao, Khai and Song are quite reserved in public. Both boys enjoy school, but they prefer to be outside the classroom. Song is our school's star soccer player, and Khai likes the peace and quiet of the local library.

I am not as outgoing as Bao, but I enjoy telling jokes. My friends usually enjoy my sense of humor. However, sometimes my jokes annoy them.

Although we have quite different characters, the four of us are very close friends.

1.	Choose	the	hest	answer	and	write

- a) Ba talks about \_\_\_\_ of his friends.
  - A. three
  - B. all
  - C. four
  - D. none
- c) Khai and Song ....
  - A. like quiet places
  - **B.** don't talk much in public
  - C. dislike school
  - D. enjoy sports

- **b)** Bao's volunteer work \_\_\_\_
- A. helps him make friends
- B. causes problems at exam time
- C. does not affect his school work
- D. takes up a lot of time
- **d)** Ba's friends sometimes \_\_\_\_\_ his jokes.
- A. answer
- B. do not listen to
- C. laugh at
- D. get tired of

#### 2. Now answer the questions.

- a) How does Ba feel having a lot of friends?
- **b)** Who is the most sociable?
- c) Who likes reading?
- d) What is a bad thing about Ba's jokes?
- e) Where does Bao spend his free time?
- f) Do you and your close friends have the same or different characters?

#### WRITE.

#### 1. Read the information about Tam.

Name:

Le Van Tam Age: 14

Appearance: tall, thin, short black hair

Characters:

sociable, humorous, helpful

Address:

26 Tran Phu Street, Ha Noi

Family:

mother, father, elder brother - Hung

Friends:

Ba, Baa

His name's Le Van Tam and he's fourteen years old. He lives at 26 Tran Phu Street in Ha Noi with his mother, father and his elder brother, Hung. He's tall and thin and has short black hair. He is sociable, humorous and helpful. His best friends are Ba and Bao.

- 2. Fill in a similar form for your partner. Use the following questions as prompts.
  - a) What is his/her name?
  - b) How old is he/she?
  - c) What does he/she look like?
  - d) What is he/she like?
  - e) Where does he/she live?
  - f) Who does he/she live with?
  - g) Who is/are his/her friend(s)?
- 3. Now write a paragraph about your partner.

## Language focus

 Simple tenses Present simple to talk about general truths (not) adjective + enough + to-infinitive 1. Complete the paragraphs. Use the correct form of the verbs in brackets. a) Hoa (0) lived (live) in Hue last year, but now she (1) (live) in Ha Noi. Yesterday, Hoa's friend Nien (2) (send) Hoa a letter. Nien (3) (be) Hoa's neighbor when Hoa lived in Hue. She (4) (be) younger than Hoa. b) Lan (0) is (be) Hoa's best friend. The two girls (1) (be) in the same class at Quang Trung School. Last year, Hoa (2) (come) to the school for the first time. Lan (3) (show) her around and (4) (introduce) her to many new friends. Complete the dialogue. Use the correct form of the verbs in the box. You will have to use some verbs more than once. be set rise move go Ba: What do you know about the sun, Tuan? Tuan: The sun (0) rises in the east and (1) in the west. Ba: Can you tell me anything about the other planets? I know something about the Earth. It (2) around the sun. Tuan: Ba: Yes, and the moon (3) around the Earth. Where is Mars, Ba? Tuan:

No, it's silly! That (5) Mercury. Mars (6) near the Earth.

It (4) near the sun.

Ba:

Tuan:

#### 3. Look and describe.

Look at the picture. Ask and answer the questions.



- a) How many people are there in the picture?
- b) What does each person look like?
- c) What is each person wearing?

#### 4. Complete the dialogues. Use (not) adjective + enough.

a) Hoa: Can you put the groceries in your bag?

Lan: No. It is not hig enough to carry everything. (big)

b) Hoa: Is Ba going to drive his father's car?

Lan: Don't be silly! Ba is to drive a car. (old)

c) Hoa: Do you need any help?

Lan: No, thanks. I'm \_\_\_\_\_ to lift this box. (strong)

d) Hoa: Why don't you join our English Speaking Club?

Lan: I don't think my English is to be a member. (good)

2-TIẾNG ANH 8-A

# UNIT 2

# MAKING ARRANGEMENTS

#### GETTING STARTED.

Match each object with its name.

a fax machine
a public telephone

an address book a mobile phone

a telephone directory an answering machine

a)



b)



c)



d)



e)



f)



#### LISTEN AND READ.



Hoa: 3 847 329

Nga: Can I speak to Hoa, please? This is Nga.

Hoa: Hello, Nga.

Nga: I'm going to see the movie *Dream City* at 6.45

this evening. Would you like to come?

Hoa: Of course, but wait a minute. I have to ask my aunt and

she's downstairs. Hold on... OK, Nga. Aunt Thanh says

I can go. Oh, where's it on?

Nga: At Sao Mai Movie Theater. It's a bit far from your house,

I'm afraid.

**Hoa:** Well, I know where it is, but I'm

using my cousin's bike tonight.

Nga: OK, Hoa. Let's meet

outside the theater.

Hoa: Is 6.30 all right?

Nga: That's fine. See you at 6.30. Bye.

Hoa: Bye, Nga.

Dream City at Sao Mai Movie Theater.



#### 1. Practice the dialogue with a partner.

2. Read the dialogue again. Decide who did and said each of the following things. Then ask a partner these questions to check your answers.

#### Who:

- a) made the call?
- b) introduced herself?
- c) invited the other to the movies?
- d) arranged a meeting place?
- e) arranged the time?
- f) agreed to the time?

		ine. I'm going to a pop concert at the City Concert Center ht. Would you like to come?					
1	b) Hello	o. 9 210 752					
DITTS JE	c) It's 7	The Kids in Town. You like it, don't you?					
[VIIS]	d) Bye.						
	e) Yes.	What time can we meet?					
D PROFES	f) Hello	. Can I speak to Eric, please? This is Adam.					
	g) That	's fine. See you at 7.15. Thank you, Adam.					
	h) Bye,	Eric.					
	i) Whic	n band is it?					
	j) Hello	Adam. How are you?					
	k) Is 7.	15 OK? The concert starts at 7.45. Let's meet inside the					
	cente	er, at the café corner.					
ches		e dialogue. Ba and Bao are making arrangements to play ice the dialogue with a partner. Then make similars.					
	Ba:	Hello. 8 257 012.					
	Bao:						
	Ba:	Hello, Bao. How are you?					
	Bao:	?					
	Ba:	Great. Me too.					
	Bao:	?					
	Ba:	I'm sorry. I can't play chess tonight. I'm going to do my homework.					
	Bao:	?					
	Ba:	Yes. Tomorrow afternoon is fine.					
	Bao:						

Ba:	At the Central Chess Club? OK. Let's meet at the front	door.
Bao:		?
Ba:	Great. See you tomorrow afternoon at 2.00 o'clock.	

LISTEN.

Listen to the telephone conversation. Fill in the missing information.

DATE :	a ni ameles sumido	TIME:
FOR:	The Principal	ser nodelk samol
MESSAGE :	obdies) i neb ka liberah	to poem Wilese Is
		future management

#### READ.

On March 3, 1847, Alexander Graham Bell was born in Edinburgh. He was a Scotsman although he later emigrated, first to Canada and then to the USA in the 1870s.

In America, he worked with deaf-mutes at Boston University. Soon, Bell started experimenting with ways of transmitting speech over a long distance. This led to the invention of the telephone.



Bell and his assistant, Thomas Watson, conducted many experiments and finally came up with a device which they first introduced in 1876. Bell said on the telephone: 'Mr. Watson, come here. I want you.' This was the first telephone message.

Traveling all over America, Bell demonstrated his invention to the public at countless exhibitions, and by 1877 the first telephone was in commercial use.

								2012	100 10	
1	True or	false?	Check		the	boyes	Correct	the	false	sentences.
A. 1	II UL VI	161130 :	CHECK	( w /	CILC	いいふんづり	COLLECT	CHAC	# ## # 7 7 Pm	MATTERITOR MA

	T F
a) Alexander G. Bell was born in the USA.	
b) He worked with deaf-mute patients in a hospital in Boston.	
c) Thomas Watson was Bell's assistant.	
d) Bell and Watson introduced the telephone in 1877.	
e) Bell experimented with ways of transmitting speech	
between deaf-mutes over a long distance.	
f) Bell demonstrated his invention at a lot of exhibitions.	

#### 2. Put the events in the correct order.

Alexander Graham Bell ...

- a) went to live in the United States.
- b) successfully demonstrated his invention.
- c) worked with Thomas Watson.
- d) was born in Scotland.
- e) went to live in Canada.
- f) invented the telephone.
- g) worked with people who could neither speak nor hear.



#### WRITE.

1. Read the message. Then fill in the gaps in the passage that follows with the information.

# Thang Loi Delivery Service

Date:

May 12

Time:

11.50 am

For:

Mr. Ha

Message:

Mrs. Lien called about her furniture delivery. She wants you

to call her after lunch. Her telephone number is 8 645 141.

Taken by: Tam

A customer (1)	the Thang Loi	Delivery Service on (2)	just
before midday.	She wanted to (3)	to Mr. Ha but he was	out. So
Mr. Tam (4)	a message for Mr.	Ha. The customer's (5)	was
Mrs. Lien, and	she wanted to know	about her furniture (6)	. She
wanted (7)	to call her. She said	Mr. Ha could reach her (8	8)
8 645 141 after	lunch.		

2. Now read the passage below. Write the telephone message in your exercise book.

A customer telephoned the Thanh Cong Delivery Service on June 16 just after midday. The customer's name was Mr. Nam, and he wanted to speak to Mrs. Van. Mrs. Van was in a meeting and could not come to the phone. So Mr. Toan took a message. Mr. Nam called about his stationery order. He said Mrs. Van could reach him at 8 634 082.

#### Thanh Cong Delivery Service

3. Read the message form on page 23 again, then help Lisa write a message for Nancy. Use the information from the dialogue.

Lisa: Hello.

**Tom:** Hello. Can I speak to Nancy, please? This is Tom.

Lisa: I'm sorry my sister's out. Would you like to leave her a message?

Tom: Hello, Lisa. Can you tell her I'll come over to pick her up?

We're going to play tennis this afternoon.

Lisa: Did she know about that, Tom?

Tom: Yes, she did. We bought two new rackets yesterday.

Lisa: What time are you coming?

Tom: At about 1.30.

Lisa: OK, Tom. I'll tell her when she's back. Bye.

Tom: Thank you very much, Lisa. Bye.

## Language Focus

- Talk about intentions with be going to
- Adverbs of place
- Work with a partner. Say what the people are going to do. Follow the example sentence.

Example:

Nga has a movie ticket.

She's going to see a movie.

- a) Quang and Nam bought new fishing rods yesterday.
- b) Trang's mother gave her a new novel this morning and she has no homework today.
- c) Van has a lot of homework in Math and she is going to have Math at school tomorrow.
- d) Mr. Hoang likes action movies very much and there's an interesting action movie on TV tonight.
- e) Hien's friend invited her to his birthday party.
- a) Copy the questionnaire in your exercise book. Add three more activities to the list. Then complete the 'you' column with checks (✓) and crosses (✗).

What are yo	u going to do on th	e weekend?
Are you going to	YOU	YOUR PARTNER
see a movie?		
play sports?		
meet your friends?	1 . 7 8	
help your parents?		
do your homework?		
watch TV?		

Now ask your partner what he or she is going to do. Complete the 'your partner' column of the questionnaire.

#### 3. Complete the speech bubbles. Use each adverb in the box once.

Ba is playing hide and seek with his cousin, Tuan.

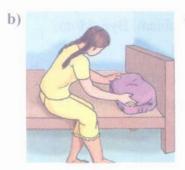


# UNIT 3 AT HOME

#### GETTING STARTED.

Write the chores you often do at home.













#### LISTEN AND READ.

Nam: Hello.

Mrs. Vui: Nam, it's Mom.

Nam: Hi, Mom.

Mrs. Vui: I'm going to be home late tonight.

I have to go and visit Grandma after work.

Nam: What time will you be home?

Mrs. Vui: I'll be home after dinner.

I'm sorry, but you'll have to cook dinner yourself.

Nam: All right.

Mrs. Vui: There's rice in the cupboard, but you ought to go to the

market yourself and buy some fish and vegetables. The steamer is under the sink, between the saucepan and

the frying pan. The rice cooker is beside the stove.

Nam: OK. Give my love to Grandma.

Mrs. Vui: I will. Oh, I almost forgot. Can you call Aunt Chi, please?

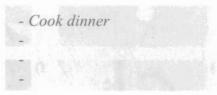
Ask her to meet me at Grandma's house.

Nam: No problem. Bye, Mom.

Mrs. Vui: Bye.

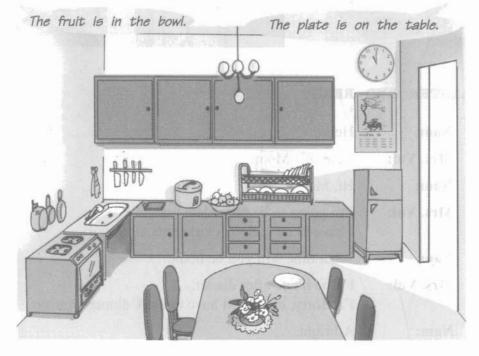
1. Practice the dialogue with a partner.

2. Read the dialogue again. Complete the list of the things Nam has to do.



#### SPEAK.

 Look at the picture. Work with a partner. Talk about the position of each item.



2. Mrs. Vui bought new furniture for her living-room, but she cannot decide where to put it. Work with a partner and arrange the furniture. You must reach an agreement.

rug	armchair	cushions	coffee table
picture	stereo	TV	clock
lamp	couch	shelf	magazines
telephone			



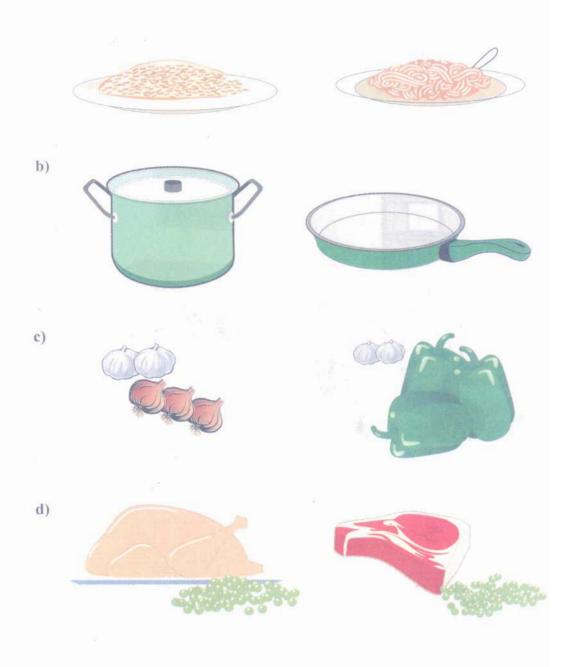
Let's put the armchair opposite the couch.

OK. And I think we ought to put the rug between the armchair and the couch.



Look at the pictures. Check the right item.

a)



#### READ.

Lan's mother, Mrs. Quyen, is at her local community center. She is reading one of the posters on the wall.

#### Safety Precautions in the Home

- You must put all chemicals and drugs in locked cupboards.
   Children may drink or eat these things because they look like soft drinks or candy.
- You must not let children play in the kitchen. The kitchen is a dangerous place.
- You have to make sure children do not play with matches. Each year, fire destroys homes and injures children because someone plays with matches. Remember, it only takes one match to cause a fire.
- You must cover electrical sockets so that children do not try to put anything into them. Electricity can kill.
- You have to keep all dangerous objects out of children's reach.
   These include scissors, knives, and small objects such as beads.

#### 1. Answer.

True	or false? Check (✓) the boxes. Correct the false sentences.		
		T	F
a)	It is safe to leave medicine around the house.		1
b)	Drugs can look like candy.		
c)	A kitchen is a suitable place to play.		
d)	Playing with one match cannot start a fire.		
e)	Putting a knife into an electrical socket is dangerous.		
f)	Young children do not understand that many		
	household objects are dangerous.  a) It is safe to keep medicine in locked cuphoards.		

#### 2. Ask and answer.

- a) Why must we put all chemicals and drugs in locked cupboards?

  Because children often try to eat and drink them.
- b) Why mustn't we let children play in the kitchen? Because
- c) Why mustn't children play with matches?

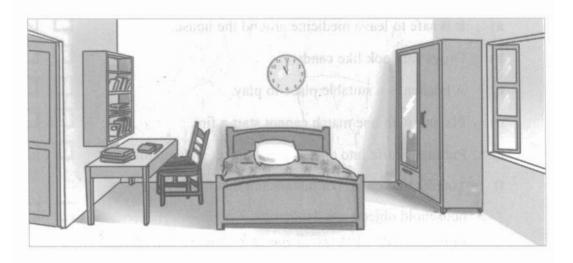
  Because \_\_\_\_\_\_.
- d) Why must we cover electrical sockets?

  Because
- e) Why do we have to put all dangerous objects out of children's reach?
  Because

#### WRITE.

1. Read the description of Hoa's room.

This is Hoa's bedroom. There is a desk on the left of the room. On the desk there are many folders, and above the desk there is a bookshelf. There is a bed near the desk. On the right side of the room, there is a window. There is a wardrobe beside the window. The wardrobe is opposite the desk.



#### 2. Now write a description of this kitchen.

This / Hoa's kitchen.

There / refrigerator / right corner / room.

Next to / refrigerator / stove and oven.

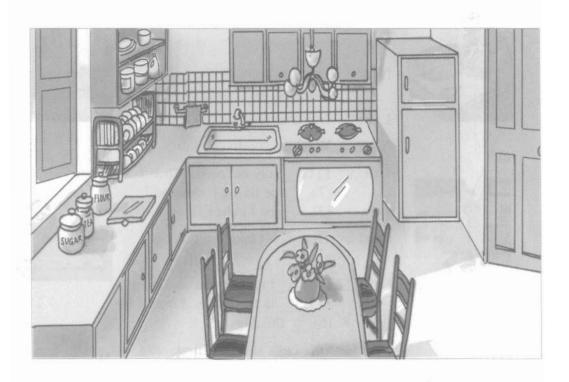
On the other side / oven / sink / next to / sink / towel rack.

Dish rack / counter / to the right / window / beneath / shelves.

On / counter / beneath / window / jars / sugar / flour / tea.

In the middle / kitchen / table / four chairs.

Lighting fixture / above / table / beneath / lighting fixture / vase with flowers.



Write a description of a room in your house. Refer to the above paragraphs.

# Language focus

- Reflexive pronouns
- Modals: must, have to, ought to
- Why Because
- 1. Look at the pictures. Complete the dialogue. Use *must* or *have to* and the verbs in the box.

feed	empty	do tidy sweep cl	ean dust
			b)
	Nga:	Can you come to the movies, Lan?	
	Lan:	No. I have to do my chores.	Common Marie
	Nga:	What do you have to do?	d)
	Lan:	I (1) my bedroom. Then I (2) the living-room and I (3) the kitchen floor, too.	
	Nga:	That won't take long. What else?	24.5
	Lan:	I (4) the fish tank and then I (5) the garbage. Finally, I (6) the dog.	
	Nga:	OK. Let's start. Then we can go out.	f)
			0

2. Look at the pictures. Use ought to to give advice to these people.



3. Complete the dialogues. Use the reflexive pronouns in the box. You will have to use some of the reflexive pronouns more than once.

myself	yourself	himself	yourselves
herself	ourselves	themselves	

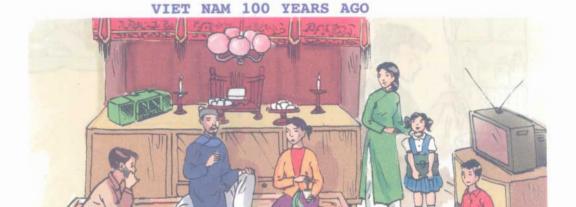
a)	Miss Lien:	Did someone help Ba draw that picture?
	Bao:	No. He did it (0) himself.
b)	Nga:	The repairman can't fix the washing machine until tomorrow.
	Mrs. Linh:	Come on. We'll have to try and do it (1)
c)	Aunt Thanh:	What's the matter, Hoa?
	Hoa:	I cut (2)
	Aunt Thanh:	Let me see. Oh, it's all right. You didn't cut (3) badly.
d)	Lan:	Why are you crying, Nga?
	Nga:	I just watched the movie Romeo and Juliet.  The boy killed (4) and then the girl killed (5) as well.
	Lan:	Why did they kill (6)?
	Nga:	It's a long story.
e)	Mr. Nhat:	Boys and girls, you'll do this experiment this afternoon.
	Students:	Will you come to help us?
	Mr. Nhat:	Yes, I will. But you'll have to do it (7) first.
	rk with a partne Mrs. Vui using a)	er. Ask and answer questions about Hoa, Nam, Ha, Nga, Why-Because.
		Hoa
107	Why did Hoa	go to school late this morning?
	Because she v	vatched TV late last night.



# UNIT 4 OUR PAST

#### GETTING STARTED.

Look at the picture. Write the names of the things that do not belong to the past.



#### LISTEN AND READ.

Grandma: This is me, Nga. I used to live

on a farm when I was a young girl.

Nga: What was life like then?

Grandma: I didn't go to school because

I had to stay home and help my mom.

I used to look after my younger

brothers and sisters.

Nga: What did Great-grandma do?

Grandma: She used to cook the meals, clean the

house and wash the clothes.

Nga: That sounds like hard work!

39

	Grandma:	It was. And there wasn't a Mom had to do everythin of modern equipment.	151			
	Nga:	What did you do in the e	venings?			
	Grandma:	After dinner, Mom lit the tell us stories.	lamp and Dad use	ed to		
	Nga:	Do you remember any of	them?			
	Grandma:	Oh, yes. The best one was It's an old folktale.	as The Lost Shoe.			
	Nga:	Please tell me the tale, G Traditional stories are gre				
	Grandma:	All right. Once a poor fa	rmer			
1.	Practice the d	ialogue with a partner.				
2.	Work with a	partner. Ask and answer	the questions.			
	a) Where did	Nga's grandmother use to	live?			
	b) Why didn't	t she go to school?				
	c) What did N	lga's great-grandmother us	se to do?			
	d) What did N	ga's great-grandmother and	d great-grandfather	do afte	r dinne	er?
	e) What did N	ga ask her grandmother to	do at the end of t	he con	versati	ion?
3,	Fact or opinio	on? Check (1) the boxes.			F	0
	a) I used to li	ve on a farm.				
	b) There was	n't any electricity.				
	The second secon	o do everything without modern equipment.				
	d) My father	used to tell us stories.				
	e) The best or	ne was The Lost Shoe.				
	f) Traditional	stories are great.				

#### SPEAK.

1. Work with a partner. Look at the pictures. Talk about the way things used to be and the way they are now.





#### 2. Now tell your partner about the things you used to do last year.

Last year I used to get up late. Now, I get up early and do morning exercises.

#### LISTEN.

Listen to the story. Write the letter of the most suitable moral lesson.

- a) Don't kill chickens.
- b) Don't be foolish and greedy.
- c) Be happy with what you have.
- d) It's difficult to find gold.

READ.

The Lost Shoe

Once a poor farmer had a daughter named Little Pea. After his wife died, the farmer married again. His new wife had a daughter, Stout Nut. Unfortunately, the new wife was very cruel to Little Pea. Little Pea had to do chores all day. This made Little Pea's father very upset. He soon died of a broken heart.

Summer came and went. In the fall, the village held its harvest festival. That year, everyone was excited as the prince wanted to choose his wife from the village. Stout Nut's mother made new clothes for her, but poor Little Pea had none.

However, before the festival started, a fairy appeared and magically changed Little Pea's rags into beautiful clothes.

As Little Pea ran to the festival, she dropped one of her shoes and lost it. When the prince found the shoe, he decided to marry the girl who owned it. Of course the shoe fitted Little Pea, and the prince immediately fell in love with her.

1.	Complete the sentences with words from the story.
	a) Little Pea's father was a
	b) Little Pea's mother when she was young.
	c) Little Pea to do the housework all day after her father got married
	d) The prince wanted to a girl from Little Pea's village.
	e) Stout Nut's mother did not make for Little Pea.
	f) The prince found Little Pea's shoe.
2.	Answer the questions. Write the answers in your exercise book.
	a) Who was Little Pea?
	b) What did Stout Nut's mother make Little Pea do all day?
	c) How did Little Pea get her new clothes?
	d) Who did the prince decide to marry?
	e) Is this a true story? How do you know?
W	RITE.
1.	. Complete the story. Use the verbs in the box.
	en de la companya de

0)

疲

0

0

8

### How the Tiger Got His Stripes

One day, as a farmer was in his field and his buffalo (0) was grazing nearby, a tiger (1)\_\_\_\_\_\_. The tiger wanted to know why the strong buffalo was the servant and the small man (2)\_\_\_\_\_\_ the master. The farmer (3)\_\_\_\_\_\_ he had something called wisdom, but he (4)\_\_\_\_\_ it at home that day. He (5)\_\_\_\_\_\_ to get the wisdom, but before that he (6)\_\_\_\_\_\_ the tiger to a tree with a rope because he didn't want it to eat the buffalo. When he returned, the farmer brought some straw with him. He said it was his wisdom. He (7)\_\_\_\_\_\_ the straw and the fire (8)\_\_\_\_\_ the tiger. The tiger (9)\_\_\_\_\_, but it still has black stripes from the burns today.

2. Now imagine you are the man. Use the words to write the story. Start like this:

. . . . . . . . . . . . . . .

One day as I was in the field and ....

One day / I / field

0

0

8

-01

0

0 0

0

<u>(3)</u>.

0

8

0)

0 0

buffalo / graze / tiger / come

It / ask / why / strong buffalo / my servant / and I / its master

I / tell / tiger / I / have / wisdom

tiger / want / see / it

I / tell / it / I / leave / wisdom / home

then I / tie / tiger / tree / rope / I / didn't / want / eat / buffalo

I / go / get / straw / and / burn / tiger

tiger / escape / still have / black stripes

# Language Focus

		st simple repositions of time		, before, between
		sed to	CONTRACTOR CONTRACTOR SOLIC	Library III, velocie
. Writ	te the pas	t simple form of ea	ach verb.	
a)		<b>d)</b> go		h) ride
	=> ran	e) hav	e	i) eat
b)	fly	f) do		j) sit
c)	take	g) be		k) come
Con a)	Lan:	dialogue below. U	-	le. ?
1.5	Nga:		1 10	
b)	Ba:	How did you get t	to school?	
	Nam:	U		
c)	Minh:			_?
	Hoa:	I was at home.		1
d)	Chi:	Which subject did	I you have yester	day?
	Ba:			
Con	iplete the	sentences. Use the	prepositions in	the table.
i		November 1997		7 am and 8 am
	on Talk	Monday, July 2	after	
		6 pm	before	3 pm 1 llot 1
		ou on Wednesday.		
		to Laos		
		be there		
		closes will be closed.	3 pm. If you arriv	ve 3 pm,
6)	I'll be hon	ne seven be	cause I want to se	e the seven o'clock n

4. Look at the pictures. Complete the dialogue. Use used to and the verbs in the box.

live stay have be b) a) d) c) Where is this? It isn't Ha Noi. Nga: No, it's Hue. I (0) used to stay there. Hoa: Nga: Is that you, Hoa? Hoa: Yes. I (1) long hair. Who is in this photo? Nga: That is Loan. She (2) my next-door neighbor. Hoa: Nga: Are they your parents? No. They're my aunt and uncle. They (3) \_\_\_\_ in Hue, too. Hoa:

# UNIT 5 STUDY HABITS

#### GETTING STARTED.

Work with a partner. Ask and answer questions about your lesson schedule.



How often do we have Math?

We have Math five times a week.



#### LISTEN AND READ.

Mom: Tim? Tim? Are you home?

Tim: Yes, Mom. I'm in the living-room. What is it, Mom?

Mom: I went to your school today and Miss Jackson gave

me your report card.

Tim: Oh, is it a good report?

Mom: Don't worry. It's excellent. You did very well.

Tim: May I see the report?

Mom: Sure. I'm proud of you, Tim.

I know you worked really hard this semester.

Tim: Thanks, Mom.

Mom: But there's one

thing you need to

improve.

Tim: What's that, Mom?



	<b>Mom:</b> Miss Jackson said you should work harder on your Spanish pronunciation. She asked me to give you this dictionary.			
	Tim:	Yes, I know. Some of those Spanish sounds are real I'll try my best to improve them.	lly hard.	
	Mom:	I believe you can do it, Tim.		
1.	Practice	the dialogue with a partner.		
2.	True or	false? Check (✓) the boxes.	T F	
	a) Tim	was out when his mother called him.		
	b) Tim's	s mother met his teacher at school.		
	c) Tim's	s report is poor.		
	d) Tim'	s mother wants him to improve one thing.		
	e) Tim i	needs to improve his Spanish grammar.		
	f) Tim p	promised to try his best in learning Spanish.		
3.	Answei	r the questions.		
	a) Who	is Miss Jackson?		
	b) Wha	t did Miss Jackson give Tim's mother?		
	c) How	did Tim study this semester?		
	d) Wha	t did Miss Jackson say Tim should do?		
	e) Wha	t did Tim's mother give him at the end of the conver	sation?	

#### SPEAK.

Work in groups. Ask each other about your studies. Use the questions and words in the boxes to help you.

- 1. When do you do your homework?
- 2. Who helps you with your homework? Smoot Look
- 3. How much time do you spend on these subjects: Math, Vietnamese, History, English, etc.?
- 4. Which subject do you need to improve?
- 5. What do you do to improve your English?
- after school; after dinner; late at night; etc.
- your parents; your brothers/sisters; a friend; etc. www.po.asw.mil (a
- half an hour; two hours; less/more than an hour; etc.
  - Biology; Physics; Chemistry; Geography; etc.
- do grammar exercises; read English stories; etc. of the torion of the control o

### LISTEN.

Listen to the dialogue and complete the report card.

Name: Sarah	Chen	Subject: English
Class: 80		Marking period: First Term
Days present:	(1)	Days absent: (2)
Behavior - Part	icipation: (3)	Co-operation: 5
Listening: (4)	Speaking: (5)	Reading: (6) Writing: (7)
A = Excellent	B = Good	C = Fair D = Poor
$\mathbf{F} = \text{Fail}$	<b>S</b> = Satisfactory	<b>U</b> = Unsatisfactory
Comments:	Speaks English qu	ite well.
Howeve	er, she does need	to improve her listening skills.
Teacher's signa	ture:	Parents' signature:
Miss. Blake		Mrs. Chen
Date: February 17	,2003	

READ.





Language learners learn words in different ways. Some learners make a list and put into it the meanings of new words in their mother tongue, and try to learn them by heart. However, others do not. Instead, they write one or two example sentences with each new word in order to remember how to use the word in the right way.

In order to remember words better, some learners even write each word and its use on a small piece of paper and stick it somewhere in their house so as to learn it at any time.

Many language learners do not try to learn all new words they come across. They usually underline or highlight only the words they want to learn. This helps them remember important words.

hard-working cham chi Hoa is a hard-working student.

They conducted many experiments and hinally...

There are also different ways of learning the same number of words. For example, if you try to learn ten words in two days, you can do so in two ways. You can learn the first five words the first day, and then learn the other five the next day. However, because revision is necessary, you can learn all the ten words the first day and revise them the next day. This helps you practice the words more times.

Language learners should try different ways of learning words so as to find out the best way for themselves. Ask yourself the question: *How should I learn words?* 

1. True or false? Check (1) the boxes.	
	T F
a) All language learners write the meaning of new words in their mother tongue.	
b) Some learners write examples of words they want to learn.	
c) Every learner tries to learn all new words they come across.	
d) Many learners only learn new words that are important.	
2. Answer the questions.	
a) Do learners learn words in the same way?	
b) Why do some learners write example sentences with new wor	ds?
c) What do some learners do in order to remember words better?	
d) Why don't some learners learn all the new words they come a	cross?
e) What is necessary in learning words?	
f) How should you learn words?	
WRITE.	
1. Look at Hoa's letter to Tim. She wrote it at the end of term. It sections. Label them with correct letter.	lentify the
en words the that day and revise them the next day. This help the words more times.  A Body of the letter	
Heading - writer's address and the date	
C Closing - Your friend/ Regards/ Love	
D Opening - Dear	

12 Tran Hung Dao St.

Ha Noi

February 10, 200 ...

Dear Tim.

Thanks for your letter. I'm pleased to hear you had an enjoyable Christmas vacation.

We received our first semester report a few days ago. I got good grades for Science, English and History, but my math result was poor. My math teacher asked me to spend more time on it. I must study harder next semester.

It is almost Tet. That's the Lunar New Year Festival in Viet Nam. I think I told you about it in my last letter. We're going to Hue tonight to celebrate the festival with my grandmother. I'll send you a postcard from there.

Write soon and tell me all your news.

Regards,

-Hoa

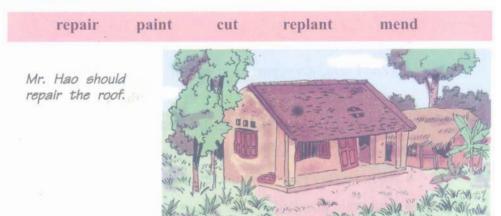
- 2. Now help Lan write a letter to her pen pal Donna in San Francisco. Use the information in the box.
  - Mother's Day
  - second semester report / last month
  - good grades / Geography / Physics / Math
  - teacher / tell / improve English / History
  - in a few weeks / Mid-Autumn Festival / moon festival
  - Ha Long Bay / aunt and uncle / bus / this afternoon
  - send you / postcard

## Language Focus

- Adverbs of manner
- Modal: should
- Commands, requests and advice in reported speech
- 1. Complete the dialogues. Use the adverbs of manner in the box.

	softly	well	fast	badly	hard
a)	Hoa: Lan:	Does Mrs. Nga s Oh, yes. She spe			
b)	Hoa: Lan:	Ba always gets e That's because h	_		
c)	Hoa: Lan:	That's our bus! Run (2) ar	nd we might c	atch it.	
d)	Hoa: Lan:	I'm very sorry. I It's all right.	know I behav	ved (3)	
e)	Hoa:	I can't hear you,		because I have a	sara throat

2. Work with a partner. Look at the picture of Mr. Hao's house. Use the words in the box. Say what he should do.



3. Work with a partner. Suppose you are Tim's mother. Report Miss Jackson's commands and requests in her conversation with Tim's mother.

#### Example:

Miss Jackson said:

"Can you give Tim this dictionary?"

or "Please give Tim this dictionary."

#### Tim's mother reported it to Tim:

"Miss Jackson asked me to give you this dictionary."

"Miss Jackson told me to give you this dictionary."

- a) "Please wait for me outside my office."
- b) "Please give Tim his report card for this semester."
- c) "Can you help Tim with his Spanish pronunciation?"
- d) "Can you meet me next week?"
- Work with a partner. Report Miss Jackson's advice she gave in her conversation with Tim's mother.

#### Example:

Miss Jackson said:

"Tim should work harder on his Spanish pronunciation."

#### Tim's mother reported it to Tim:

"Miss Jackson said you should work harder on your Spanish pronunciation."

- a) "Tim should spend more time on Spanish pronunciation."
- b) "Tim should practice speaking Spanish every day."
- c) "Tim should listen to Spanish conversations on TV."
- d) "Tim should practice reading aloud passages in Spanish."
- e) "Tim should use this dictionary to find out how to pronounce Spanish words."

## UNIT 6

# THE YOUNG PIONEERS CLUB

#### GETTING STARTED.

		activities that Ho Chi Minh Young Pioneer and in $(Y&Y)$ participate in Check $(\mathcal{I})$ the hoxes, then add the list.		
	helping	g blind people		
	helping	g elderly people  aring for animals		
	helping	g handicapped children  taking part in sports		
	LISTEN AND	READ.		
	Secretary:	Hello. May I help you?		
	Nga:	Good morning. I'm enrolling for the activities for this summer.		
Secretary: Nga: Secretary:		Right. Let me get an application form and we can fill it out. What's your full name, please?		
		Pham Mai Nga.		
		And when were you born?		
	Nga:	April 22, 1989.		
	Secretary:	Where do you live and do you have a phone number?		
Nga:		I live at 5 Tran Phu Street, and I don't have a phone at home.		
	Secretary:	Now, what are your hobbies?		
Nga:		I like drawing and outdoor activities. And I enjoy acting, too.		
	Secretary:	Drawing, outdoor activities, and acting. Well, please take this form to your teacher and ask her to sign it. Then bring the form back to me.		
	Nga:	All right. Thank you.		

- 1. Practice the dialogue with a partner.
- 2. Complete Nga's details.

Name:	Date of birth:
Home address:	• Sex:
Phone number:	Interests:

#### SPEAK.

Look at the phrases in the boxes. Then practice the dialogues with a partner

Asking for favors	Responding to favors
Can/Could you help me,	Certainly/ Of course/ Sure.
please?	No problem.
Could you do me a favor?	What can I do for you?
I need a favor.	How can I help you?
Can/Could you ?	I'm sorry. I'm really busy.
Offering assistance	Responding to assistance
May I help you?	Yes/No. Thank you.
Do you need any help?	Yes. That's very kind of you
Let me help you.	No. Thank you. I'm fine.

a) Mrs. Ngoc: Could you do me a favor, please?

Hoa: Sure. What can I do for you?

Mrs. Ngoc: Can you help me carry my bags? I've hurt my arm.

Hoa: Certainly. I'll help you.

Mrs. Ngoc: Thank you very much. That's very kind of you.

b) Receptionist: May I help you?

**Tourist:** Yes. Can you show me the way to the nearest bank?

**Receptionist:** Sure. Turn right when you get out of the hotel.

Turn left at the first corner. It's on your right.

Tourist: Thank you very much.

Now use the appropriate phrases in the box to make similar dialogues about some of the following situations with a partner.

WHO	WHAT	WHY
tourist	needs to find a police station	lost money
neighbor	needs help tidying yard	has a broken leg
friend	needs help fixing her bike	has a flat tire
aunt	needs to buy some vegetables	is busy cooking meal

#### LISTEN.

Fill in the missing words.

Children of our land (1) \_\_\_.

Let's sing for (2) \_\_\_,

Let's sing for (3) \_\_\_.

Let's sing for the (4) \_\_\_ between (5) \_\_ and (6) \_\_,

Oh, children (7) \_\_ our love from (10) \_\_ to place.

Let's shout (11) \_\_ loud,

Let's make a (12) \_\_\_,

Oh, children of the (13) \_\_\_,

hold hands.

#### READ.

Ho Chi Minh Communist Youth Union is an organization for Vietnamese youth from 15 to 30 years of age. The Union builds good character, love for the nation, and encourages good citizenship, soft skills and personal fitness.

The Union was founded on March 26 1931 by the beloved President Ho Chi Minh. It had different names over the years. One of its first names was 'Vietnam Communist Youth Union'. In December 1976, it was officially named as it is called today: Ho Chi Minh Communist Youth Union. However, people normally use the name 'The Youth Union' for short.

The Youth Union, together with other youth organizations such as the Young Pioneers Organization, the Vietnam Youth Federation, the Vietnam Students Union, often hold social activities such as Helping the Handicapped, Cleaning the Environment, Green Summer Volunteers Campaign, and other similar movements. These activities aim to help the young develop their public awareness and form their personality.

Ever since the Union was founded, its aims and principles, established by President Ho Chi Minh, have been the guidelines for the young Vietnamese people of today and tomorrow.

#### 1. Fill in the missing information.

- a) The Youth Union was founded in ......
- b) In ..... the Youth Union was officially named as it is called today.
- c) The Youth Union's activities aim to help the young develop ......
- d) Its aims and principles have been ...... for the young Vietnamese people of today and tomorrow.

#### 2. Answer. Then write the ansers in your exercise book.

- a) At what age can one join the Youth Union?
- b) When was the Youth Union founded?
- c) What is the complete name of the Youth Union?
- d) Can you name some social activities of the Youth Union?
- e) What do these activities aim to help?
- f) Who established the guidelines for the Vietnamese youth?
- g) (open question optional)
  What names have the Youth Union had over the years?

1. Read the passage and complete the letter.

November 21, 2003

#### NOTICE

#### To: All Y&Y members of the school

The Y&Y is planning to help the community by encouraging all members to participate in a recycling program. All you have to do is to collect used glass, paper and cans, and send them for recycling. By doing this, we can help save natural resources and earn some money for the organization.

If possible, you can participate in other programs such as raising funds for the poor, helping street children and planting trees and flowers along the sidewalks or in the parks.

Join us and register from today.

The Secretary

Dear Linh,
I'm glad to tell you that I'm going to have interesting

The Y&Y is (0) planning to help the (1) \_\_\_\_\_. I will participate in its (2) \_\_\_\_ program. In this program, we will (3) \_\_\_\_ glass, used paper and cans. Then we will (4) \_\_\_\_\_ them for (5) \_\_\_\_.

I hope I can (6) \_\_\_\_\_ natural resources and (7) \_\_\_\_ some money for my school Y&Y in these activities. I trees also think about (8) \_\_\_\_\_ in either (9) \_\_\_\_ trees and flowers or (10) \_\_\_\_\_ street children. It is really interesting, isn't it?

MINNESS MINNES

Write to me soon and tell me all your news.

Love,

Nga

2. Read the dialogue between Hoa and her aunt. Then write Hoa's letter to her parents telling what she is going to do.

Aunt: Hoa, you look very happy today. Anything interesting at school?

**Hoa:** Yes, Aunt. I'm going to join the Y&Y Green Group.

Aunt: Really? What will you do?

**Hoa:** We are having an environment month.

And, we're going to clean the banks of the lakes on weekends.

**Aunt:** Will you do anything else?

**Hoa:** Oh, yes. We're going to plant trees and flowers in the school garden

and water them every afternoon after class.

Aunt: That sounds excellent.

Hoa: Yes, it is. And, we're planting young trees and plants to sell to

some schools. We hope to give more green color to the city and

earn some money for our school Y&Y.

Aunt: You're really great, Hoa!

Dear Mom and Dad,

## Language focus

- Present tense with future meaning
- Gerunds
- · Modals: may, can, could
- 1. Work with a partner, Ask and answer questions about Y & Y Spring activity program.
  - When do they collect On January 9.

    and empty garbage?
  - b) Where do they collect At Dong Xuan Market.

    and empty garbage?
  - c) What time do they and finish at 5 pm. start and finish work?

Youth and Young 7 Spring Act	ARE YOU READY?			
Activity	Place	Date	Time	
Collect and empty garbage	Dong Xuan Market	Jan. 9	8 am - 5 pm	
Plant and water trees along streets	City center streets	Feb. 2	7 am - 10 am	
Help the elderly and street children	City rest home and orphanage	Mar. 26	7 am - 4 pm	
Have big gathering to support cultural-sport programs	Central stadium	Apr. 15	5 pm - 9 pm	

#### 2. Work with a partner.

- a) Look at the table. Talk about our friends' hobbies.
- A: Ba loves playing soccer, but he doesn't like washing up.
- B: Lan doesn't like playing soccer and she doesn't like washing up, either.

	Ba			Lan				
	love	like	don't like	hate	love	like	don't like	hate
playing soccer	1	. 2000-000			PRINCIPAL STATE OF THE		1	
washing up			1				1	
cooking meals				/		1		
performing music		1				1		
gardening			1				1	
gathering broken glasses		1				1		
watching TV		1			1			
camping	17					1		
playing badminton				1			1	
doing homework		7						1

b) Copy the table into your exercise book. Then complete it with information about you. Next ask and answer questions with your partner.

Do you like playing soccer?

No. I hate it. What about you?

Yes. I love playing soccer.

#### 3. Work with a partner.

a) Use the expressions in the box to ask for a favor. Then practice the dialogues with a partner. help me with this math problem
buy a ticket
water the flowers in the garden
take me across the road

A.	Woman:	Voman: Can/Could you help me, please?						
	Man:	Yes, certainly.						
	Woman:	Can you?						
B.	Old Woman:	Could you do me a favor?						
	Boy:	What can I do for you?						
	Old Woman:	Can you?						
C.	Boy:	I need a favor.						
	Girl:	How can I help?						
	Boy:	Could you?						
D.	Grandpa:	Can you help me, please?						
	Yes. Of course.							
Grandpa: Can you?								
	practice the dia	s in the boxes on page 55 to complete the dialogues. logues with a partner. help you? You. Could you fill in this form for me?						
A: any help?								
B: No. Thank you. I'm fine.								
A	: Oh. This bag	is heavy.						
В	Let							
A	A: Yes. That's of you.							

### UNIT 7

# MY NEIGHBORHOOD

#### GETTING STARTED.

Match the names of places found in a neighborhood with the pictures.

grocery store hairdresser's drugstore swimming-pool stadium wet market













#### LISTEN AND READ.

Nam: Hi. My name's Nam.

Na: Hello. Nice to meet you, Nam. I'm Na.

Nam: Are you new around here?

Na: Yes. We've been here since last week.

	Nam:	I'm sure you'll like this neighborhood.				
	Na:	I hope so. How long have you lived here?				
	Nam:	Oh, we've lived here for about 10 years.				
	Na:	You must know the area very well.				
	Nam:	I do.				
	Na:	Is there a restaurant close by? My mother is too tired to cook tonight.				
	Nam:	There is one just around the corner.				
	Na:	What is the food like?				
Nam: It's very good. We like to eat there. It serves Hue food the pancakes are delicious. You should try them.						
	Na:	I will. Thanks.				
1.	Practic	e the dialogue with a partner.				
2.	Comple	te the sentences. Use the words from the dialogue.				
	a) Na is	to the neighborhood.				
	b) She	and her family arrived				
	c) Na's	mother is very				
d) There is a in the area.						
e) The restaurant serves food from						
f) Nam thinks the are tasty.						
S	PEAK.					
1.	. Practic	e the dialogue with a partner.				
	Clerk:	Next, please!				
	Mrs. K	Quy Nhon.				
	Clerk:	Do you want to send it airmail or surface mail?				

Mrs. Kim: I'm not sure. How much is airmail?

Clerk: I'll have to weigh the parcel first. Mmm.

Five kilograms. That'll be 32,500 dong.

Mrs. Kim: Oh! That's expensive.

Clerk: Surface mail is much cheaper. It's only 19,200 dong.

Mrs. Kim: That's better. I'll send it surface.

Clerk: All right.

2. Look at the following brochure and the information in the box. Make similar dialogues.

letter /Kon Tum / surface mail / 20g postcard / Ho Chi Minh City / airmail / 15g parcel / Ca Mau / airmail / 2kg parcel / Buon Ma Thuot / surface mail / 5kg

Surface Mail					
Item	Weight	Charges (VND)			
Letter	20g	800			
Postcard	25g	800			
Parcel	5kg	19,200			

	Airmail	
Item	Weight	Charges (VND)
Letter	15g	1,200
Postcard	15g	1,200
Parcel	2kg	13,000

#### LISTEN.

Na is new to the neighborhood. She's talking with Nam about what she's going to do on the weekend. Look at the advertisement of "What's on this week?".

 Listen to the conversation. Then fill the blank in each of the advertisement with one phrase from the box.

> Town Ground The Newcomer

**English Speaking Contest Culture House** 

W	/hat's	on this wee	k?		
1 The Newcom Two performa Monday - Satu	MILLENNIUM CINEMA  1 The Newcomer Two performances Monday - Saturday 5pm - 8pm  SOCCER Le Do School vs Quang Trung School2 kick off 4pm Saturday, 24 <sup>th</sup> March				
	Hu	PHOTO EXHIBITION undreds of photos take y young photographe4 Monday - Friday open: 9.00 am - 9.00 p	en rs		
2. Listen to the co False or No Inf			k (✓) the co	rrect b	ox for True, No Information
<ul> <li>a) Na does not lead to very well.</li> </ul>	know the	neighborhood			
b) Na doesn't like movies.					
c) Na will go to the photo exhibition this weekend					
d) Na won't go	to the En	glish speaking cor	ntest.		

e) Na will go to the soccer match with Nam.

f) Nam is a soccer fan.

#### READ.

A new shopping mall is opening in Nam's neighborhood today. It is very different from the present shopping area. All the shops are under one roof. That will be very convenient, especially during the hot and humid summer months. Customers will shop in comfort and won't notice the weather.

Some people in the neighborhood, however, are not happy about the changes. The owners of the small stores on Tran Phu Street think the mall will take their business. Some of the goods in the new stores will be the same as the ones in the small shops, but the stores in the mall will offer a wider selection of products, some at cheaper prices.

The residents and store owners have been concerned about the new mall for a few months. They have organized a community meeting in order to discuss the situation.

# Opening today!

# Tran Phu Shopping Mall

Everything under one roof

- \* 50 air-conditioned
- specialty stores
- \* 4 movie theaters
- \* 10 restaurants
- \* children's play area

Open daily 8 am - 10 pm

Special discounts during the first two weeks! Come and bring your friends!

> i Miller Club m

1. True or false? Check (✓) the boxes. Then correct the false sente	nces and					
write them in your exercise book.	F					
a) The mall is open six days a week.						
b) There are more than 50 stores in the mall.						
c) Everyone in the neighborhood is pleased						
about the new mall.						
d) It will be more comfortable to shop in the mall						
than in the present shopping area.						
e) Some of the stores on Tran Phu Street may have to close.						
2. Answer.						
a) What is special about the new shopping mall?						
b) What facilities are available in the shopping mall?						
c) What do the small store owners think about the new shopping mall? d) What kinds of goods will the stores in the mall offer?						
WRITE.						
9	2					
Tran Phu Street Residents and Store Owners						
MEETING TO DISCUSS EFFECTS OF NEW MALL						
Date: May 20 Time: 8.00 pm						
Place: Binh's Hardware Store, 12 Hang Da Street.						
Please contact Pham Van Tai at the above address for more information.						
1. Read the community notice.						
2. Use the similar format to write a notice about the English contest below.	Speaking					

The school English Speaking Club is going to hold a speaking contest to celebrate the Teachers' Day. The contest will be at Hall 204, Building G, from 7.30 pm to 10.00 pm on November 15. The person to contact is Tran Thi Thu Hang of class 8H.

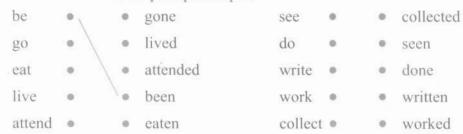
3. Write one or two notices about your class meeting and / or your Sports Club meeting.

## Language Focus

		Present	perfect	with	for	and	since
--	--	---------	---------	------	-----	-----	-------

0	Comparison with	like,	(not)	as	as;	(not)	the	same	as;	different
	from									





#### 2. Complete the expressions. Use for or since.

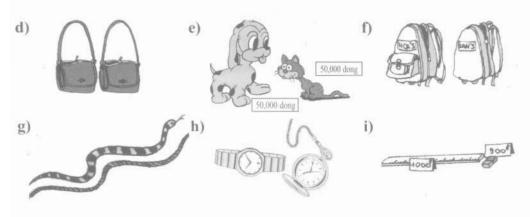
0	for a period of time	ő)	0	since a point of time
				CONTRACTOR OF THE CONTRACTOR O
	for five months			since Tuesday

five minutes	three hours
January	10 weeks
1990	Friday
the summer	20 years

3. Complete the sentences. Use the present perfect form of the verbs in brackets.

a)	I have lived here since last week.		(live)
b)	We	in that restaurant for two years.	(not eat)
c)	I	her since yesterday.	(not see)
d)	They	Quang Trung School since last year.	(attend)
e)	My dad	for his company for 20 years.	(work)
f)	Ва	stamps since 1995.	(collect)

4. Complete the conversation. Use the correct form of the verbs in the box.				
hope be (3) live see look want				
Ba:	Hi. My name's Ba.			
Tom:	Nice to meet you, Ba. I'm Tom.			
Ba:	Are you a newcomer here?			
Tom:	Yes. I (1) here since last week.			
Ba:	I'm sure you'll love this place.			
Tom:	I (2) so. How long you (3) here?			
Ba:	For 15 years.			
Tom:	So you must know the area very well. (4) there a post office near here?			
Ba:	Yes. There's one next to my house. Why?			
Tom:	Ah! I (5) to send this postcard to my parents.			
Ba:	Let me have a look. Oh! It (6) very beautiful. Where's your house?			
Tom:	In London you ever (7) there?			
Ba:	Not yet. But I (8) it through films and magazines. I'm going there with my father next summer.			
Tom:	That's great. I hope to see you again over there.			
5. Look at the pictures. Complete the sentences. Use the words in the box. You will have to use some words more than once.				
different expensive cheap modern long same large				
a) b) Tu Dien viet - ANH viet - A				



- a) The magazine is not as large as the newspaper.
- b) Lipton tea is different from Dilmah tea.
- c) The red dictionary is the blue dictionary.
- d) The bag on the left is \_\_\_\_\_ the bag on the right.
- e) The toy cat is the toy dog.
- f) Hoa's backpack is \_\_\_\_\_ Lan's backpack.
- g) The snake is the rope.
- h) The pocket-watch is the wristwatch.
- i) The ruler is \_\_\_\_ the eraser.

# COUNTRY LIFE AND CITY LIFE

#### GETTING STARTED.

Work with a partner. Make a list of the differences between the countryside and the city. The words in the box may help you.

noisy	fresh air	friendly
tall buildings	kinds of goods	fresh foods
beautiful views	entertainments	traffic jam

#### LISTEN AND READ.

Hoa: Hi, Na. Have you been away?

Na: Yes. I went to the countryside for the weekend.

Hoa: Where did you go?

Na: I went to Kim Lien. It's a village. Some of my relatives live there.

Hoa: I've heard it's a beautiful place.

Na: It is. And it's very quiet and peaceful. I had a really nice weekend, but I don't want to live there permanently.

Hoa: Why not?

Na: It's too quiet. There is nothing to do.

Hoa: Yes, but things are changing in the countryside.

Na: Such as?

**Hoa:** Many remote areas are getting electricity. People can now have things like refrigerators and .....

Na: And TV.

**Hoa:** That too. TV is bringing not only information but also entertainment. And medical facilities are more easily accessible too. Life in the provinces is definitely changing for the better.



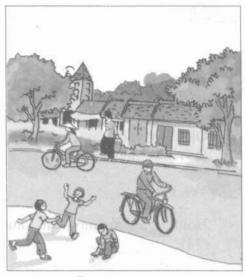
Na: But the city has so much more to offer.

**Hoa:** In many ways, I prefer the countryside. Life is simple, people are friendly and the air is clean.

- 1. Practice the dialogue with a partner.
- 2. Answer the questions.
  - a) Where has Na been?
  - b) How long was she there?
  - c) What is her opinion of the countryside?
  - d) Na says, 'There is nothing to do.' What does she mean by this?
  - e) What are some of the changes that Hoa mentions?
  - f) Do you prefer the city or the countryside? Why?

#### SPEAK.

 Work with a partner. Look at the two pictures and talk about the changes of the town. The word prompts in the box may help you.







now

busy tall beautiful modern noisy dirty expensive

Example: The town is becoming busier.

#### 2. Work with a partner. Talk about changes in your hometown.

#### LISTEN.

Fill in the missing words.

Lan: Hello.

Aunt Hang: Hello. Is (1) Lan?

Lan: Yes. Who is (2) ?

Aunt Hang: (3) Aunt Hang. How are you?

Lan: I'm fine. (4) are you phoning (5) ?

Aunt Hang: Hue. I'm calling to tell you Uncle Chi and I are (6) to

visit you next (7)\_\_\_\_.

Lan: Great! When are you (8) ?

Aunt Hang: On (9)\_\_\_\_. We're arriving in

Ha Noi in the (10)\_\_\_\_\_ (11)\_\_\_\_.

Lan: OK. Do you want to (12)\_\_\_\_ to

(13)\_\_\_\_ mom?

Aunt Hang: Yes, please.

Lan: Hold on a moment and I'll

(14) \_\_\_\_\_ her.

#### READ.

Many people from rural areas are leaving behind their traditional way of life and moving to the city. They believe that well-paying jobs are plentiful in the city.

At home on the farm, life is always a struggle with nature. Typhoons, floods or droughts can easily destroy a harvest and leave the farmer with little or no money until the following year. Often farmers look for other work when they need more money for their family.

The increase in population, however, has led to overcrowding in many cities. This puts a strain on schools and hospitals, as well as water and electricity supplies. Increased pollution is another unpleasant result.

There is also a human side to this tragedy. Families sometimes have to live apart. In these cases, children may live at home with relatives, while their parents go and live in an urban area.

Governments all over the world are trying to provide facilities for these migrants, but it can be quite a problem.

People	e from the countryside are (1)	their (2)	to go and live in the
(3)	. Farming can sometimes be	a difficult life	and these people from

1. Complete the summary. Use information from the passage.

(4) \_\_\_\_ areas feel the (5) \_\_\_\_ offers more opportunities. However, many people coming to the city create (6) \_\_\_\_. There may not be enough (7) \_\_\_ or (8) \_\_\_\_, while water and electricity supplies may not be adequate. This is a (9) \_\_\_\_ facing governments around the (10) \_\_\_\_.

#### 2. Find the word in the passage that means:

- a) of the countryside ......
- b) as many as needed .....
- c) become greater or larger .....
- d) a great pressure
- e) a terrible event .....
- f) of the city or city life ......

#### WRITE.

1. Put the outline for an informal letter in the correct order. If you don't remember, refer to the writing exercises in Unit 5.

Opening
Date
Closing
Heading
Writer's address
Body of letter

2. Write a letter to a friend about your neighborhood. These questions may help you.

What does your house look like?
What can you see from your bedroom window?
How far is it from your home to school?
How do you get to school?
What kinds of facilities are there in your neighborhood?
What things in your neighborhood do you like best?
Why?

## Language focus

- Present progressive to talk about the future
  - to show changes with get and become
- Comparative and superlative adjectives

#### 1. Read the dialogues.

a) Mrs. Vui: Is the boat to Dong Hoi leaving at 10.25?

Clerk: Is that Lady of the Lake?

Mrs. Vui: That's right.

Clerk: I'm very sorry, madam, but it's been delayed.

Mrs. Vui: Oh, no!

Clerk: Now, it's leaving at 10.40.

b) Mr. Hung: Is the boat from Hai Phong arriving at 10.30?

**Clerk:** Are you talking about *Bright Sky*?

Mr. Hung: Yes.

Clerk: It's arriving on time, sir.

Now make similar dialogues. Use the shipping information.

#### Shipping information

Ship Name	Destination	Time of Departure	Status	Revised Time
Lady of the Lake	Dong. Hoi	10.25	delayed	10.40
Good Fortune	Quy Nhon	11.30	delayed	13.55
City of Hue	Nha Trang	11.40	-	-
Golden Trail	Ho Chi Minh City	11.55	delayed	16.20
Ship Name	Origin	Time of Arrival	Status	Revised Time
Bright Sky	Hai Phong	10.30	- viens	n 38 l <del>78</del>
Speed of Light	Ho Chi Minh City	10.40	delayed	12.30
Diamond Eyes	Ca Mau	11.00	- chroin	10 25 10 12
Stars Above	Phu Quoc	12.00	delayed	18.15

2. Coi	nplete the di	logues. Use the verbs in the present progressive tens	e
a)	Nam:	What are you doing tonight?	
	Bao:	I'm playing (0) table tennis.	
b)	Uncle Thac	: Would you and Lan like to go to the movies?	
	Hoa:	Sorry, we can't. We (1) homework.	
c)	Mrs. Vui:	Are you watching the seven o'clock news?	
	Mr. Nhat:	No, I (2) a program on rainforests.	
d)	Hoa:	I'm going to the beach on Saturday.	
	Lan:	Lucký you! I (3) to my violin lesson.	
e)	Mrs. Thoa:	Are you free on Sunday afternoon?	
	Na:	No, Mom and I (4) the house.	
f)	Nga:	Can you fix my computer on Friday afternoon?	
	Mr. Lam:	I'm afraid not. I (5) a meeting that afternoon.	
		better get cleaner get cold become dark tall weak	
		10 · 量 · 10 · 10	
	The boys are		
	The old men		
		home. It	
	The weather		
	The students		
f)	The school y	.rd	

4. Make comparisons between the city and the country about these things. The adjectives in the box will help you.

busy	easy	expensive	cheap	good	
bad	poor	big	accessible	fresh	

food entertainments

traffic medical facilities

transport schools

air electricity

5. Look at the advertisements. Compare the house, the villa and the apartment. Use the adjectives in the box.

The house is more expensive than the apartment.

The apartment is smaller than the villa.

The villa is the oldest home.

expensive old small beautiful big hot



## FOR RENT

Modern air-conditioned house with garden, new, 1,000m<sup>2</sup>, 6.6 million dong per month Tel: 8 362 314

# FOR RENT

Lovely villa, five years old, 150m<sup>2</sup>, 7.8 million dong per month Tel: 8 293 640

### UNIT 9

# A FIRST-AID COURSE

#### GETTING STARTED.

Work with a partner. What would you do in these situations which require first-aid? The pictures will help you.

a girl has a burn on her arm

a girl has a nose bleed

a boy has a bad cut on his leg

a boy has a bee sting









#### LISTEN AND READ.

Nurse: Bach Mai Hospital.

Lan: This is an emergency. Please send an ambulance to

Quang Trung School. A student is hurt.

Nurse: Calm down. Can you tell me what happened?

Lan: She fell off her bike and hit her head on the road.

Nurse: Is she conscious?

Lan: Yes, but she had a bad cut on her head. It's bleeding quite badly.

Nurse: Try to stop the bleeding. Use a towel or a handkerchief

to cover the wound. Then put pressure on it. Hold it tight.

Lan: Will you hurry, please?

**Nurse:** Of course. What is the address of the school?

Lan: Ngo Si Lien Lane. It's between Quang Trung Street and

Tran Hung Dao Street.

**Nurse:** The ambulance will be there in about 10 minutes.

She mustn't fall asleep.

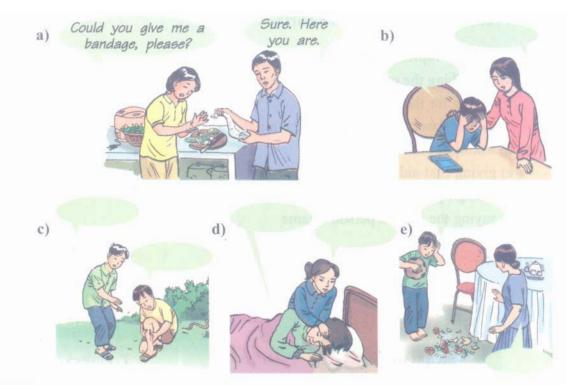
Lan: All right. I promise I'll keep her awake.

- 1. Practice the dialogue with a partner.
- 2. Select the topics covered in the dialogue.
  - a) describing the condition of the injured person
  - b) asking for the address
  - c) asking about the condition of the injured person
  - d) asking for advice
  - e) giving first-aid instructions
  - f) arranging for an ambulance
  - g) saying the injured person's name

#### SPEAK.

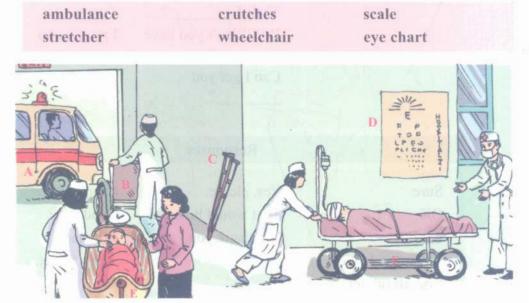
Work with a partner. Look at the phrases and the pictures. Take turns to make and respond to requests, offers and promises.

Requests	Offers	Promises
Can/Could you?	Would you like	I will I spromise.
Will/Would you?	What can I get for you? Shall I	I promise I'll I promise I won't
	Will/Won't you have ?	I promise to
	Can I get you?	
	Responses	
Sure. OK. All right. I'm sorry, I can't. I'm afraid not.	Yes, please. That would be nice. No, thank you.	I hope so. Good. I'm glad. Don't forget.



#### LISTEN.

Match the letters A, B, C, D, E, or F to the correct words in the box, then put them in the correct order as you hear.



#### READ.

Case	First-aid
Fainting	- Leave the patient lying flat.
	- Don't force him/her to sit or stand.
	- Elevate the patient's feet, or lower his/her head below the level of the heart.
	- Don't let the victim get cold.
	- Give the victim a cup of tea when he/she revive
Shock	- Don't overheat the victim with blankets or coat
	- Don't give the victim any food or drink.
	- Don't give the victim drugs or alcohol.
Burns	- Cool the burns immediately so as to minimize tissue damage.
	- Put the affected part under a running cold tap (if possible).
	- Ease pain with ice or cold water packs.
	- Cover the burned area with a thick sterile dressing.

Choose a correct case for each of the following treatments.

- a) The victim should not sit or stand.
- b) Victim cannot drink wine or beer.
- c) The victim's head should be below the level of the heart.
- d) You should ease the pain with ice or cold water packs.
- e) The victim should drink a cup of tea when reviving.
  - A. Fainting
  - B. Shock
  - C. Burns

#### WRITE.

1. Complete the thank-you note Nga sent to Hoa after she left the hospital. Use the correct tense forms of the verbs in brackets.

Thank ye	ou very much for the flowers you sent
V OUR AND SERVICE STREET	while 9 (1) (be) in the
	They (2)(be) beautiful and they
really (3)	(help) to cheer me up. 9
(4)	_ (come) out of the hospital on
Monday m	orning.
now 9 (5)	(be) very bored. Will you
	my place on the weekend? D'd love to
see you.	
9 (6)	_ (phone) you on Friday afternoon.
Your friend,	
Nga	

2. Write a thank-you note to a friend. Invite your friend to go on a picnic with you. Arrange to contact your friend. Use the following questions to guide your writing.

What did your friend give/send you?

On what occasion?

What was/were it/they like?

How did you feel when you received the present?

How do you feel now?

Do you want to invite your friend somewhere?

If so, then when?

How will you contact your friend?

3. Use the same format to write another letter to another friend for other occasions.

## Language focus

- in order to; so as to
- Future simple
- Modal will to make requests, offers and promises
- 1. Match one part of a sentence from column A with another part in column B. Then write a complete sentence by using in order to / so as to. Example:

I always keep the window open in order to/so as to let fresh air in.

1) I always keep the window open a) ease the victim's pain and

2) Mary	wrote a notice on the	anxiety	
board		b) get to the meet	ing on time
Mr. Green got up early this morning		c) inform her class change in sche	
	lder brother studies hard	d) minimize tissue	e damage
this y	/ear	e) pass the entrance	ce exam to the
5) Peop	le use first-aid	university	
	should cool the burns ediately	f) let fresh air in	
	ng to his mother about rect word or short for		ete the dialogue.
Ba:	What time (0) will Aun	t Mai be here?	(will / shall)
Mrs. Nga:	She (1) be here	e in two hours.	(will / shall)
Ba:	(2) Uncle Sa	u be with her?	(will / 'll)
Mrs. Nga:	No, he (3) 1	He has to stay in	
	Ho Chi Minh City.		(will / won't)
Ba:	(4) I come to the	e airport with you?	(will / shall)
Mrs. Nga:	OK. It (5) be a	nice trip for us both.	(will / won't)
Ba:	Great, I (6) be r	eady in two minutes.	(won't / 'll)

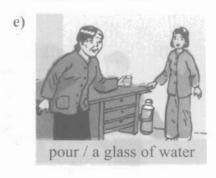
3. Nga is helping her grandmother. Look at the pictures and complete the sentences. Use the words under each picture and will.

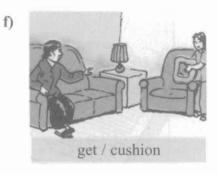












a) Nga:	Are you hot, Grandma?	
Mrs. Tuyet:	Yes. Will you open the window, p	lease, Nga?
b) Mrs. Tuyet:	My book is on the floor.	to me, please?
c) Mrs. Tuyet:		, please?
d) Nga:	Do you want to listen to the radio	?
Mrs. Tuyet:	No, thanks. I always watch the no	ews at 7 pm, Nga?
e) Mrs. Tuyet:	I'm thirsty.	for me?
Nga:	Of course.	
f) Nga:	Are you comfortable?	
Mrs. Tuyet:	No, I'm not.	, please?

4. Work with a partner, look at the pictures. Make requests, offers or promises. Use the words in the box and will or shall.

paint study hang empty cut Will you empty the garbage can, please? b) a) c) d) e) f)

# UNIT 10 RECYCLING

#### GETTING STARTED.

Work with a partner. Think of ways we can reduce the amount of garbage we produce. The words in the box may help you.

We should use cloth bags instead of plastic bags.

You're right. We should also reuse plastic bags.

- tree leaves to wrap things
- garbage to make fertilizer
- used papers to make toys
- · vegetable matter to make animal food



#### LISTEN AND READ.

A representative from Friends of the Earth, Miss Blake, is talking to the students of Quang Trung School. Friends of the Earth shows people how to protect the environment and save natural resources.



Miss Blake: Recycling is easy. Remember: reduce, reuse and recycle.

Ba:

You're right. It is not difficult to remember because all the three words begin with the letter R. Can you explain what you mean, Miss Blake?

Miss Blake: Certainly. I am pleased that you want to know more. Reduce means not buying products which are overpackaged. For example, shirts and socks which have plastic and paper packaging.

**Hoa:** I think I know what things we can reuse.

Miss Blake: Can you tell the class, please?

**Hoa:** We can reuse things like envelopes, glass, and plastic bottles

and old plastic bags.

Miss Blake: That's right. But instead of reusing plastic bags, we shouldn't

use them at all. We ought to use cloth bags.

Lan: So is that what you mean by recycle?

Miss Blake: Yes, don't just throw things away. Try and find another use

for them.

Lan: That's easy to say, Miss Blake, but how do we do it?

Miss Blake: Contact an organization like Friends of the Earth for

information, go to your local library, or ask your family

and friends.

1. Practice the dialogue with a partner. One of you is Miss Blake. The other plays the roles of Ba, Hoa and Lan.

#### 2. Answer.

- a) What does Miss Blake mean by reduce?
- b) What things can we reuse?
- c) What does recycle mean?
- d) Where can we look for information on recycling things?
- e) Why does Miss Blake tell Lan that we shouldn't use plastic bags at all?

#### SPEAK.

Work with a partner. Look at the pictures and decide which group each item belongs to.

paper	plastic	vegetable	matter	
glass	metal	fabric	leather	



Which group do clothes belong to?

ls fruit 'vegetable matter'?



What can we do with those clothes?



Put them in 'fabric'.

That's right.

What will we do with it?



We can recycle them and make them into paper or shopping bags.



We make it into compost and fertilize our field.

#### LISTEN.

#### You will hear four questions during the recording. Check $(\checkmark)$ the correct answers.

- a) What type of garbage can you put in the compost?
  - A. all vegetable matter
  - B. meat or grain products
- b) Where is the best place for a compost heap?
  - A. a place that gets no sun
  - B. a place that gets sun and shade
- c) Should you water the compost?
  - A. Yes
  - B. No
- d) How long does it take before you can use the compost?
  - A. after it rains
  - B. six months

#### **Recycling Facts**

#### Car tires

In the USA, millions of old car tires are thrown away every year. But tires can be recycled to make pipes and floor coverings. Nowadays, many people wear shoes and sandals made from old car tires.

#### Bottles

In Britain, the milkman brings bottles of milk to houses and collects the empty ones. The empty bottles are then cleaned and refilled. Every milk bottle can be reused thirty times.

#### Glass

In industry, most glass is recycled. The glass is collected and sent to the factories. There it is broken up, melted and made into new glassware.

#### Drink cans

People throw away billions of cans every year all over the world. In Oregon, the government made a new law several years ago. They said that there must be a deposit on all drink cans. The deposit is returned when people bring the cans back for recycling.

#### Compost

Farmers have recycled their waste for thousands of years. They grow food for their animals and use the dung for fertilizing their fields. They also collect household and garden waste to make compost. Compost is a wonderful natural fertilizer. It helps plants grow.

#### Thought for the week:

One ton of recycled paper saves approximately is reces.

#### Let us know

We are delighted that you are interested in protecting the environment. Share your recycling story with our readers! Call or fax us at 5 265 456.

1. Ans	swer.
a)	What do people do with empty milk bottles?
b)	What happens to the glass when it is sent to the factories?
c)	What did the Oregon government do to prevent people from throwing drink cans away?
d)	What is compost made from?
e)	If you have a recycling story to share, how can you share it?
	rk with a partner. Complete the sentences to make a list of recycled things. r tires
	lk bottles
	ass
	ink cans
	susehold and garden waste
110	assentite and guiden waste
WRIT	TE.
1. Co	omplete the recycling instructions. Use the verbs in the box.
	soak place wrap dry use wait mix press
Fi	est, (0) soak some old newspapers in a bucket of water overnight. Then
(1)	a wooden spoon to mash the paper. Next, (2) the

mashed paper and the water together in another bucket. (3) a wire

mesh in the mixture then pull it out. Then put the mesh with mixture on the

cloth and (4) it down firmly. Take the mesh off the cloth.

- (5) some heavy books in a plastic bag and put them on the cloth.
- (6) \_\_\_\_about 5 minutes. Finally, put the books away and take the paper out of the cloth to (7) in the sunlight.
- 2. In some areas people burn dry tea leaves to keep mosquitoes away. Look at the pictures. Make the instructions on how to prepare the tea leaves, using the given words in the box.

take put dry scatter



a) used / tea leaves / tea pot



b) tea leaves / tray



c) leaves / sun



d) dry / leaves / pot / future use

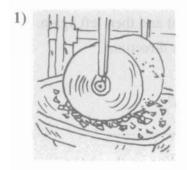
## Language focus

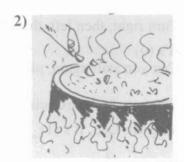
- Passive forms
- Adjectives followed by an infinitive
  - a noun clause

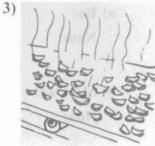
#### 1. Work with a partner.

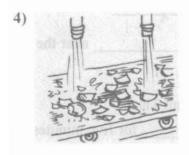
Read a guide on how to recycle glass. Look at the instructions, rewrite them in the passive form and put the pictures in the correct order.

- a) Break the glass into small pieces. => The glass is broken into small pieces.
- b) Then wash the glass with a detergent liquid.
- c) Dry the glass pieces completely.
- d) Mix them with certain specific chemicals.
- e) Melt the mixture until it becomes a liquid.
- f) Use a long pipe, dip it into the liquid, then blow the liquid into intended shapes.













			stions about the in			
		Use the correct form of the verbs in brackets.				
Hai:		hen (0) will the project he started, Doctor?				
	Very soon.	soon.				
Hai:	Many people	people want to see the time machine.				
Dr. Kim:	Yes. It (1)it is finished.		to the public w	when (show)		
Hai:	(2) Doctor?	it	by the end of the	e year, (build)		
Dr. Kim:	I'm afraid not	but it (3)	before Tet.	(iinish)		
Hai:	(4)	it	by you?	(make)		
Dr. Kim:	No, I need yo	ou to build i	t. When can you star	rt?		
Hai:	Let's begin to	morrow.				
easy/u		dang	words in the box. erous/go dif	ficult/follow		
a) Ba:	Turn	Turn right, then left, then right and then left again.				
Nam:	1 TO	It's (0) difficult to follow your directions. Can you start again, please?				
b) Mr. Da	o: Can y	Can you do the exercise, Hoa?				
Hoa:	Yes, N	Yes, Mr. Dao. It's (1)				
c) Lan:	In the	In the future, mankind might live on the moon.				
Nga:	Really	y? It's (2)_				
d) Mrs. T	'hoa: Stop,	Tuan! It's (	3)	near the stove		
Tuan:	Sorry	, Mom.				
e) Hoa:	Shoul	ld I stir the	mixture, Aunt Thank	1?		
Aunt 7	Thanh: No. 1	(t's (4)	fo	r five minutes.		

4. Complete the letter. Use the correct forms of the verb be and the adjectives in the box.

happy delighted certain relieved sure afraid

Dear Nam,
Your grandfather and I (0) are delighted that you passed your English exam. Congratulations!
Aunt Mai (1) that you remembered her birthday last week. She told me you gave her a beautiful scarf.
I (2) that your mother is feeling better. Please give her my love.
We're looking forward to seeing you in June. However, grandfather (3) that the day is wrong. (4) you that you're arriving on Saturday 20th?
I (5) that there are no trains from Ha Noi on Saturdays.
Write soon and confirm your arrival date and time.
Love,
Grandma

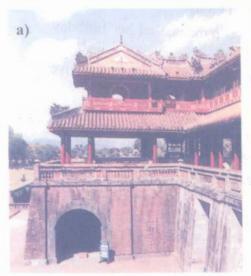
## UNIT 11

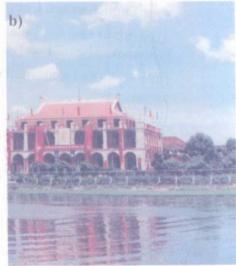
# TRAVELING AROUND VIET NAM

#### GETTING STARTED.

Work with two classmates. Match the places of interest in Viet Nam with their names.

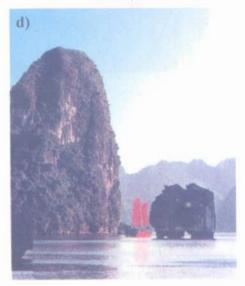
- 1. The Temple of Literature
- 2. Ngo Mon (Gate)
- 3. Ha Long Bay
- 4. Nha Rong Harbor





c)





#### LISTEN AND READ. Tim: Hoa, I'd like you to meet my parents and my sister, Shannon. How do you do? Welcome to Viet Nam. Hoa: Thank you. It's nice to meet you finally, Hoa. Mr. Jones: Can I help you with your bags, Mrs. Jones? Hoa: Mrs. Jones: Thank you. It's great to be in Viet Nam. Hoa: Would you mind sitting in the front seat of the taxi, Mr. Jones? I'd like to sit with Tim and Shannon. No problem. I prefer the front seat. Mr. Jones: Mrs. Jones: Are we far from Ha Noi? Hoa: It's about a 40-minute drive from the city center. Tim: Look, Shannon! I can see a boy riding a water buffalo. Wow! This is very exciting. Are those rice paddies, Hoa? Shannon: Hoa: Yes, and the crop over there is corn. On the left, you can see sugar canes. Would you mind if I took a photo? Tim: Not at all. I'll ask the driver to stop the car. Hoa: 1. Practice the dialogue in groups. 2. True or false? Check ( ) the boxes. Then correct the false sentences and write them in your exercise book. T F a) This is the first time Hoa has met Tim's family.

b) Hoa helps Mrs. Jones with her luggage.

c) The Jones family is traveling from the airport in a bus.

d) Shannon has never seen rice paddies before.	
e) The car is traveling past farmland.	
f) Only rice and corn are grown around Ha Noi.	

#### SPEAK.

Use "mind" in requests.

The second second	Reply			
Request	1	X at at		
• Do you mind <i>closing</i> the door?	• No, I don't mind.	• I'm sorry, I can't.		
Would you mind opening the window?	<ul><li>No, of course not.</li><li>Not at all.</li></ul>	<ul><li>I'm sorry, that is not possible.</li><li>I'd prefer you didn't.</li><li>I'd rather you didn't.</li></ul>		
• Do you mind if I <i>take</i> a photo?	• Please do.			
• Would you mind if I took a photo?	Please go ahead.			

Work with a partner. One of you is student A and the other is student B. Look at the information about your role and use it to make requests and suggestions.



**Student A:** You are a tourist on vacation in Ho Chi Minh City. You want to visit these places: a market, the zoo, a museum, and a restaurant for lunch. Ask the tourist information officer to suggest where you could go. Use the expressions in the box to help you.

#### Useful expressions:

Could you give me some information, please?
Would you mind if I asked you a question?
I want to visit a market. Could you suggest one?
Do you mind suggesting one?
That sounds interesting.
No. I don't want to go there.

**Student B:** You are a tourist information officer at Saigon Tourist. A tourist is going to ask you for help. You should make suggestions about which places to visit. The following information will help you.

#### Markets

Thai Binh Market
Ben Thanh Market
Open approx. 5 am - 8 pm

#### Restaurants

Cuong's Vegetarian Restaurant Good Food Vietnamese Restaurant Lucky's Ice-Cream Café Open approx. 11 am - 11 pm

#### Stamps and Coins Market

Open 10 am - 7 pm

#### Museums

History Museum

Open 8 am - 11.30 am and 1 pm - 4 pm daily (except Monday)

Revolutionary Museum

Open 8 am - 11.30 am, and 2 pm - 4.30 pm Tuesday through Sunday

#### Zoo and Botanical Garden

Open 10 am - 6 pm

#### Useful expressions:

Do you mind if I suggest one?

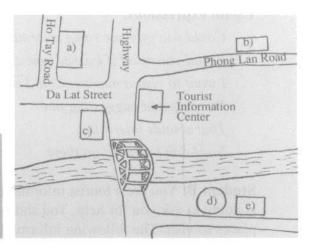
How about going to Thai Binh Market?

I suggest going to Ben Thanh Market.

#### LISTEN.

Match the places in the box to their correct positions on the map.

- bus station - pagoda
- hotel - restaurant
- temple



#### READ.

#### Nha Trang

- Seaside resort
- Sights
- · Oceanic Institute
- giant Buddha
- offshore islands

#### Accommodation

• a small selection of hotels

#### Arrivals/Departures

- flights daily to Ho Chi Minh City except Monday
- flights to Ha Noi twice a week
- buses and trains to northern and southern destinations



#### Da Lat

 known as the city of Eternal Spring

#### Sights

- · waterfalls, lakes
- railway
- · flower gardens

#### Accommodation

· many hotels, but difficult to find accommodation at busy times

#### Arrivals/Departures

- flights to and from Ho Chi Minh City three times a week
- · buses and minibuses to Nha Trang and Ho Chi Minh City

#### Sa Pa

Mountainous resort

#### Sights

- tribal villages
- beautiful mountain slopes
- jungle streams

## Accommodation

 some hotels and guest houses

## Arrivals/Departures

- buses daily to Lao Cai Town
- trains daily from Lao Cai to Ha Noi



 recognized by UNESCO as a World Heritage Site

#### Sights

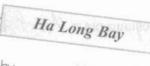
- magnificent caves
- beautiful limestone islands
- quiet sand beaches

## Accommodation

- hotels and mini-hotels in Ha Long City and various islands
- low-priced guest houses in Ha Long

# Arrivals/Departures

 buses and trains daily to and from Hai Phong and Ha Noi



## Check (✓) the topics mentioned in the brochures about the resorts.

	Nha Trang	Da Lat	Sa Pa	Ha Long Bay
caves			To A take	
flights to Ha Noi				
hotels				6316
local transport				
mini-hotels				100
mountain slopes				Research Physics
railway				0.00 D 0.00
restaurants				1000
sand beaches				toloni Dinox
tourist attractions				anov
types of food	grand India			Alec Send
villages	endiesmil tu endiesmilens kolisi		OS. DOM	viets mens .
waterfalls		. electric		
World Heritage		Som D.		

2.	Answer. Where should these people go?  These people want to spend their coming summer vacation in Viet Nam Help them find a suitable place. Check (✓) the boxes.					
	a) Andrew studies tribes	Nha Trang	Da Lat	Sa Pa	Ha Long Bay	Nha Rong Harbor
	around the world. He likes mountain-climbing.					
	b) Mary loves Viet Nam and she wants to travel by train to see as much of the country as possible. She also wants to visit an oceanic institute in Viet Nam.					
	c) John is interested in the history of Viet Nam. He wants to visit the place where President Ho Chi Minh left Viet Nam in 1911.					
	d) Joanne likes swimming and sunbathing. She has been to Viet Nam twice and she has visited Nha Trang already.					
	e) Donna is a florist. She has a flower shop in Los Angeles.					
	She is thinking of importing flowers from Viet Nam.					
	z. <sup>p</sup> ^		a <sup>o</sup>			

#### WRITE.

Read the first part of a story about traveling around Viet Nam.

Last week, while on vacation in Da Lat, the Browns had quite an adventure. One afternoon, they decided to paddle around Xuan Huong Lake in a canoe. After hiring the canoe, the family climbed in and paddled out to the middle of the lake. Unfortunately, dark clouds soon appeared and it began to rain.

- Now, put the sentences below in the correct chronological order to complete the story.
  - a) The canoe moved up and down the water.
  - b) A boat appeared and rescued them.
  - c) The wind started to blow and the rain became heavier.
  - d) She leaned over and tried to pick it up.
  - e) The family was very lucky.
  - f) The canoe overturned and everyone fell into the deep and dangerous water.
  - g) Shannon dropped her paddle.
- 2. Put the events below in the correct chronological order and write the story. Start with the sentence below.

Uyen had a day to remember last week.



Suddenly/she/stumble/rock/and fall



She/realize/her alarm clock/not/go off



Strangely/rain/stop/as she/get/her classroom



She/math exam/Friday /and she/get up/late



As she/leaving/it/start/rain/heavily



schoolbag/pool/ and everything/get/wet



Luckily, Uyen/enough time/finish



Uyen/try/run/fast/she could

## Language Focus

- -ed and -ing participles
- Requests with Would/Do you mind if ... ?
  - Would/Do you mind + V-ing?
- 1. Look at the people in the schoolyard at Quang Trung School. Say who each person is.



The boy reading a book is Ba.

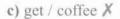
2. Look at this stall. Describe the goods for sale. Use the past participles of the verbs in the box.



The old lamp made in China is five dollars.

3. Work with a partner. Use these words to make and respond to requests. A check (✓) means agree to the request, a cross (✗) means do not agree to the request.







Would you mind moving your car?

No, of course not.



d) wait / moment X

4. Work with a partner. Look at the pictures. Ask questions and give suitable responses. The information on page 100 may help you.



a) Request: Do you mind if I sit down?

Response: Please do.

b) Request: Would you mind if I smoked?

Response: I'd rather you didn't.

#### UNIT 12

## A VACATION ABROAD

#### GETTING STARTED.

Work with a partner.

1. Match the names of the countries in the box with appropriate pictures/flags.

Example: a) The United States of America.

2. Tell your partner which country you would like to visit and why? Example:

A: Which country do you want to visit?

B: I'd like to visit Australia.

A: Why?

**B:** Because Australian people are friendly.

Mrs. Smith: Hello.

Mrs. Quyen: Sandra, it's Quyen. I'm

calling from Ha Noi.

Mrs. Smith: Hello, Quyen. This is a nice

surprise!

Mrs. Quyen: Thanh and I are coming to

San Francisco on Monday.

Mrs. Smith: That's wonderful! Would you like to come and stay

with us while you're in town?

That's very kind of you, but we're coming on a tour. Mrs. Quyen:

Our accommodation is included in the ticket price.

Mrs. Smith: Then you must come over for dinner one night.

Yes, we'd love to but we'll only be in town for three Mrs. Quyen:

nights. We leave on the 28th.

Mrs. Smith: Are you free on Tuesday evening?

Mrs. Quyen: No, I'm going out that night, but I'm not busy the

following evening.



What about Thanh? Will

he come with you?

Mrs. Quyen: No. Unfortunately, he has

a business meeting in the

evening.

Mrs. Smith:

Oh dear. He's always

working. Well, I'll pick you up at your hotel. Shall we

say seven o'clock?

Mrs. Quyen:

That sounds fine. Thanks,

Sandra. See you then.

Mrs. Smith:

Bye.



1	Comp	Loto M	100 F	Sur.	ante.	coho	dulo
2.0	Comp	ICEC IAI	113.	zuy.	CII 2	SCHE	uuic.

DATE Monday 25 Tuesday 26 Wednesday 27 Thursday 28

SCHEDULE Coming to San Francisco

#### 2. Answer the following questions.

- a) Will Mrs. Quyen and her husband stay at Mrs. Smith's house? Why? Why not?
- b) Will Mrs. Quyen's husband have dinner with the Smiths? Why (not)?
- c) How will Mrs. Quyen go to Mrs. Smith's house?

#### SPEAK.

Work in pairs. Complete your itinerary. Use the brochures and flight information.

A: Where shall we stay?

B: The Revere Hotel is expensive but it has a gym.

A: What time should we leave Los Angeles?

B: There's a daily flight at 10 am. Would that be OK?

Arrive Boston:		
Accommodation:		
Sightseeing:		

From Los Angeles		To Boston	(+3 hour	s)	
Days	Departure	Arrival	Flight	Via	
Mon - Sun	10.00	4.00	835	Chicago	
Mon, Wed, Fri	23.00	5.00	21		
Mon, Sat, Sun	14.00	20.00	942		
Mon - Sun	11.00	18.00	45	Detroit, Philadelphia	

#### Revere Hotel

Tel: 476 9876 Fax: 473 1944

Rates per night: \$50 - \$80, single

\$150 - \$180, double

Facilities: restaurants, swimming-pool,

shops, gym, business center

### Atlantic Hotel

Tel: 473 0097 Fax: 472 6464

Rates per night: \$35 - \$60, single

\$60 - \$100, double

Facilities: restaurant, swimming-pool,

shops

#### **Tourist Information**

- \* Paul Revere's House
- \* Boston University and Harvard Medical School
- \* Museums and art galleries
- \* Delicious seafood



#### LISTEN.

Listen to the weather reports. Then fill in the blanks in the table with the information you hear. The words in the boxes may help you.

Weather					
cloudy	cold	cool	dry	fine	humid
rainy	snowy	sunny	warm	wet	windy

#### Temperature

Low: minus five degrees (Centigrade) (-5°C), zero degree (0°C), three degrees (3°C), etc.

**High:** twenty-two degrees (Centigrade) (22°C), thirty degrees (30°C), thirty-two degrees (32°C), etc.

Cit	Wordhan	Temperature		
City	Weather	Low	High	
1. Sydney	dry , windy _		26	
2. Tokyo	,	15		
3. London	,cold	A - 17 18 18 18 18 18 18 18 18 18 18 18 18 18	11 1	
4. Bangkok	warm,	1,11,11,11		
5. New York	,		15	
6. Paris	,,	10	THE WAY	

#### READ.

Read these postcards from Mrs. Quyen to her children.

We went swimming at Waikiki Beach as soon as we arrived on the Hawaiian island of Cahu. We took a small plane to Kilauea Volcano this afternoon. The lava was pouring out when we flew overhead. It was very exciting.

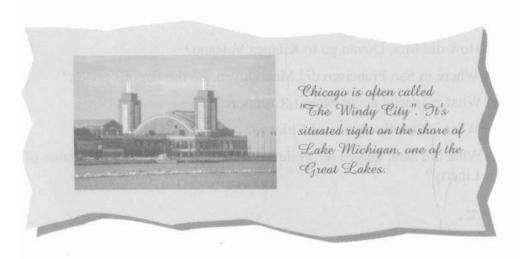


Today we went on an eight-hour tour which included Fisherman's Wharf, the Napa Valley wine-growing area, and the famous prison on the island of Alcatraz in the middle of San Francisco Bay.

This is a picture of Mount Rushmore where the heads of four American presidents are carved into the rock.

Mount Rushmore can be seen from more than 100 kilometers away.





Yesterday, while Dad was visiting the Statue of Liberty and the Empire State Building, I went shopping. I bought lots of souvenirs of our trip.



1. Write what Mrs. Quyen did and saw in each of these places.

#### Place

#### What she did and saw

a. Hawaii

went swimming, visited Kilauea Volcano

- b. New York
- c. Chicago
- d. Mount Rushmore
- e. San Francisco

- 2. Answer the following questions.
  - a) How did Mrs. Quyen go to Kilauea Volcano?
  - b) Where in San Francisco did Mrs. Quyen see the famous prison?
  - c) What is special about Mount Rushmore?
  - d) What is the other name of Chicago?
  - e) What did Mrs. Quyen do while her husband was visiting the Statue of Liberty?

#### WRITE.

1. Complete the postcard Mrs. Quyen sent from the USA.

		- Almonto
Dear Sally,		
We are having a wonderful time (friendly and the (3) has b		are
In San Francisco, I (4) n family. It was (6) to see		
I (7) lots of souvenirs (8 complaining about the (9)		always
See you (10)		
Love,		
Quyen		
	The second second second	all the said

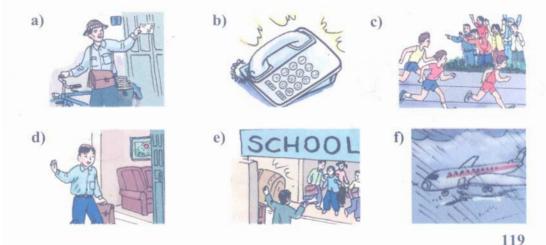
- 2. Imagine you are a tourist on vacation in a certain place/city in Viet Nam. Wri e a postcard to a friend about your trip. You need to cover the information about:
  - place: name of the place you visit.
  - how you feel about the people: friendly, hospitable, helpful, etc.
  - what the weather is like: warm, cold, windy, sunny, etc.
  - who you meet/see: old friends, teachers, neighbors, relatives, etc.
  - what you see: museums, libraries, parks, zoos, etc.
  - what you buy: souvenirs, books, photos, postcards, etc.

#### Language Focus

- Past progressive
- Past progressive with when and while
- Progressive tenses with always
- Look at the pictures. Say what each person was doing at eight o'clock last night.
  - a) Ba was taking a shower at eight o'clock last night.



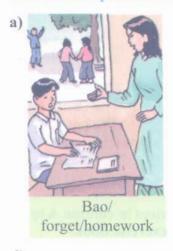
- 2. Look at the pictures. Then match the half-sentences in column A to those in Column B. Write the full sentences in your exercise book.
  - a) The Le family was sleeping when the mailman came.



- a. The Le family was sleeping
- b. While Hoa was eating,
- c. When Nam won the race,
- d. Mrs. Thoa was cooking
- e. When Lan arrived at school.
- f. It was raining

- A. when the plane got to Ha Noi.
- B. when Tuan arrived home.
- C. when the mailman came.
- D. the school drum was sounding.
- E. the crowd was cheering.
- F. the phone rang.

#### 3. Look at the pictures. Write the sentences. Say what the people are always doing.







Mr. and Mrs. Thanh/ miss/bus



Nam/watch/TV



Na/talk/phone



a) Bao is always forgetting his homework.

## UNIT 13 FESTIVALS

#### GETTING STARTED.

Work with a partner. Where should these people go on their visits to Viet Nam? Why?

- 1. Tom likes swimming and sunbathing.
- 2. David is interested in ancient cities.
- 3. Huckleberry likes mountain-climbing.
- 4. Oliver is keen on pottery.
- 5. Robinson is fond of crowded places.

#### LISTEN AND READ.

Liz: Thanks for inviting me to the rice-cooking festival, Ba.

Can you explain what is

happening?

Ba: Sure. There are three

competitions: water-fetching, fire-making and rice-cooking.

Liz: Where does the water come

from?

Ba: There's a river about one

kilometer away. One person from each team has to run to the river. There are four bottles of water on the river bank and each runner must

take a bottle and return to the

starting position.

Liz: That man seems upset. What

did he just yell?



	ва:	He urged his teammate to run faster.		
	Liz:	What's special about the fire-making contest?		
	Ba:	The fire is made in the traditional way. Two team to make a fire by rubbing pieces of bamboo together are the first ones to make a fire.		
	Liz:	I'm interested in the rice-cooking contest, too.		
	Ba:	Six people from each team participate in this ever to separate the rice from the husk and then cook the		y have
	Liz:	How do they decide who wins the contest?		
	Ba:	The judges try the finished products and the most de the winner. Then all the points are added and the awarded.		
	Liz:	Is that what is happening now?		
	Ba:	The council leader just said that he was pleased to a to the Thon Trieu team.	ward th	ne prize
	Practice	the dialogue with a partner.		
>		false? Check ( ) the boxes. Then correct the false seem in your exercise book.	senten	ces and
		*	T	$\mathbb{F}$
	a) Two	team members take part in the water-fetching ests.		
	b) One	person has to collect four water bottles.		
	c) The f	ire is made without matches or lighters.		
	d) Piece	es of wood are used to make the fire.		
	e) In the	e final contest, the team members taste the rice.		
	f) The g	grand prize is given to the team with the most points.		

#### SPEAK.

 Work with a partner. Mrs. Quyen is talking to Lan about their preparations for Tet. Put their sentences in the correct order. Start like this:



- A. Have you tidied the bedrooms?
- F. Yes, I have. Where are you going, Mon.



#### MRS. OUYEN

- A. Have you tidied the bedrooms?
- B. Not really. But I want our house to look nice at the festival.
- C. To the market. I have to buy some oranges and some pomegranates.
- D. Sure. I will.
- E. That's very good. Bye-bye, Sweetie.

#### LAN

- F. Yes, I have. Where are you going, Mom?
- G. Mom, I know what to do now.
  I'll clean all the glass
  windows.
- H. Could you collect my new ao dai at the tailor round the corner?
- I. Bye, Mom.
- J. Thanks, Mom. Is there anything you want me to do while you're out?
- 2. Now make up your own dialogue. Talk about preparations for another festival. The list below will help you.
  - a village festival
  - · a school festival
  - · a spring festival

- a harvest festival
- · a flower festival

#### 1. Listen to the conversation and fill in the gaps.

The Robinson family are making preparations for Tet.

- a) Mrs. Robinson wants \_\_\_\_\_ to go to the
- **b)** Mrs. Robinson wants some marigolds because they are at Tet.
- c) Mrs. Robinson wants Liz to buy a packet of
- d) Mrs. Robinson is asking Mrs. Nga how to \_\_\_\_\_ spring rolls.



#### 2. Complete the notes.

# Things to do Mr. Robinson: Liz: Mrs. Robinson:

#### READ.

Christmas is an important festival in many countries around the world.

#### to The Christmas Tree is shall augolala alvo moy an a

One Christmas Eve in the early 1500s, some people decorated a tree and put it in the market place in the Latvian city of Riga. This custom spread throughout Europe, and finally to America in the 1800s.



## The Christmas Card

In the mid-nineteenth century, an Englishman wanted to send Christmas greetings to his friends, so he had someone design a card. Forty years later, cards were a part of the Christmas tradition.



## Christmas Carols

Eight hundred years ago, Christmas songs were performed for people in towns and villages. These songs were stories put to music and most people enjoyed them. The leaders of the Church, however, did not. They said the songs were unsuitable, but about 180 years ago, the songs became popular again.



#### Santa Claus

In 1823, the patron saint of children, Saint Nicholas appeared in a poem called A Visit From Saint Nicholas. The character in the poem was a fat



jolly man who wore a red suit and gave children presents on Christmas Eve. The poem, which was written by Clement Clarke Moore, an American professor, became popular in the USA. Santa Claus is based on the description of Saint Nicholas in this poem.

#### 1. Complete the table.

Christmas Specials

Place of origin Date

Riga

mid-19th century

Christmas carols

USA

- 2. Answer the questions.
  - a) How long ago did the Christmas tree come to the USA?
  - b) Why did the Englishman have someone design a card?
  - c) When were Christmas songs first performed?
  - d) Who wrote the poem A Visit from Saint Nicholas?
  - e) What is Santa Claus based on?

#### WRITE.

1. Use the information in the dialogue on page 121 to fill in the gaps in this report.



#### The Rice-cooking Festival

by Festival Councilor Pham Phuong Linh

	This report shows how the (1) festival was held.
	The festival was held in the communal house yard about (2) kilometer away from a river. There were three competitions: (3), fire-making and rice-cooking. The festival took one day.
	In the water-fetching contest one person from each team had to (4) to the river to get the (5).
	In the fire-making contest two team members had to make a fire in the (6) way. They tried to rub pieces of (7) together to make the fire.
	(8) people from each team took part in the rice-cooking contest. They had to (9) the rice from the husk and then cook the rice.
	After the three contests, all the points were (10) and the Thon Trieu group won the grand prize. The festival was wonderful.
,	Write a similar report on a festival you joined recently. The answers to the questions below can help you.
	a) What is the name of the festival?
	b) Where was the festival held?
	c) How long did the festival last?
	d) How many activities were there? Were there any competitions?
	e) How were the activities organized?
	f) How many people took part in each activity?
	g) What did you think about the festival?

#### Language Focus

- Passive form: be + past participle
- Compound words: rice-cooking, fire-making, etc.
- Reported speech
- 1. Complete the sentences. Use the passive forms of the verbs in the box. Decide whether the time is past, present or future.

put make perform wri	te hold award decorate
a) Christmas songs hundred years ago.	for people in towns and villages eight
b) On Christmas Eve in the early 15 in the market place in the Latvian	
c) In the rice-cooking festival, a fire	e in the traditional way.
d) An English-speaking contest School next month.	at Nguyen Hue
e) The first prize to the yesterday.	e Mekong Team just after the final match
f) The Christmas carol "Silent A Austria by Franz Gruber in the 1	

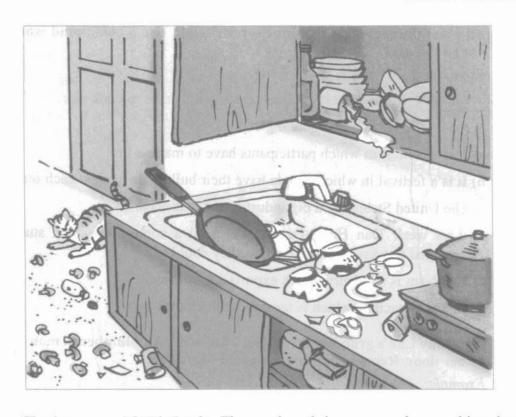
2. Complete the conversation. Use the verbs in the box.

break (2) jumble scatter pull

Hanh and her mother have just got home from the market

**Hanh:** Mom! Something has happened to our kitchen.

Mrs. Thanh: What's wrong?



Hanh:	Mom! Look. The cupboard is open and everything has been (1)
Mrs. Thanh:	Oh, no. The jar I like has been (2)
Hanh:	Many bowls and dishes have been (3), too. And look at this, Mom. The dried mushrooms have been (4) all over the floor.
Mrs. Thanh:	And where is the pan of fish I left on the stove?
Hanh:	Here it is. It has been (5) into the sink. The fish has gone.
Mrs. Thanh:	Who has done all this?

Mom, it must have been the cat!

Hanh:

3. Rewrite the sentences in your exercise book. Use a compound word in your sentences.

#### Example:

It is a contest in which participants have to cook rice.

- => It's a rice-cooking contest.
- a) It is a contest in which participants have to make a fire.
- b) It is a festival in which people have their bulls fight against each other.
- c) The United States has a big industry that makes cars.
- d) Last week Tran Hung Dao School held a contest in which students arranged flowers as attractively as they could.
- e) Viet Nam is a country which exports a lot of rice.
- f) This is a machine which is used to wash clothes.
- Yesterday Lan's grandmother, Mrs. Thu, needed a plumber. A man came to her door. Report what the man told Mrs. Thu.

#### Example:

- a) "I'm a plumber."

  He said he was a plumber.
- b) "I can fix the faucets."
- c) "The pipes are broken."
- d) "New pipes are very expensive."
- e) "You must pay me now."



#### UNIT 14

## WONDERS OF THE WORLD

#### GETTING STARTED.

Match the names of these famous world landmarks to the correct pictures.

#### Stonehenge

#### The Pyramids

#### **Sydney Opera House**

a)









#### 213

#### LISTEN AND READ.

Hoa: I'm bored. Let's play a game.

Nhi: What shall we play?

Nga: We can play 20 Questions.

Nhi: What's that? I don't know how to play it.

Nga: It's a guessing game. I think of a famous person or place.

Then you have to ask me questions to find out who or what it is.

Hoa: It sounds very easy. How does it work?

Nga: I can only answer 'yes' or 'no', and you can only ask

20 questions.

**Hoa:** What happens if we can't guess the correct answer?

Nga: I win.

Hoa: All right. You go first, Nga.

Nga: OK. You might know this place. I'll give you a clue.

It isn't in Viet Nam.

Hoa: Is it in Asia?

Nga: No.

Nhi: Is it in America?

Nga: Yes.

Nhi: Is it in New York?

Nga: Yes.

Hoa: I know. It's the Golden Gate Bridge!

Nga: No. The Golden Gate Bridge isn't in New York!

It's in San Francisco.

**Nhi:** I think the answer is the Statue of Liberty.

Nga: You're right, Nhi.

- 1. Practice the dialogue with two classmates.
- 2. Complete the summary. Use words from the dialogue.

Hoa, Nga and her cousin Nhi were bored, so Nga suggested that they play a (1)\_\_\_\_ called 20 Questions. She explained the rules and then the girls started to play. Nga thought of a (2)\_\_\_ and she gave the others a (3)\_\_ by saying that it wasn't in (4)\_\_\_ . Nhi found out the place was in (5)\_\_ . Hoa thought it was the (6)\_\_ Gate Bridge, but that is in San Francisco. Nhi was (7)\_\_ when she said it (8)\_\_ the Statue of Liberty.

#### SPEAK.

 Think of 10 famous places. You may use the names of places listed in the box or you can use your own ideas. Write a Yes/No question about each place. Ask and answer the questions with a partner.

Is Phong Nha Cave in southern Viet Nam?

Is PETRONAS Twin Towers the tallest building in the world?

Is the Great Barrier Reef a World Heritage Site?

Great Wall of China

Empire State Building USA

PETRONAS Twin Towers

Great Barrier Reef

Hue Citadel

Ha Long Bay

Phong Nha Cave

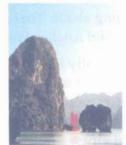
Eiffel Tower

Mount Everest

Big Ben









#### 2. Talk about your classmates' answers with your partner.

- I asked Hoa if Phong Nha Cave was in Southern Viet Nam. She said that it wasn't.
- I asked Nga whether PETRONAS Twin Towers in Malaysia was the highest building in the world. She said that it wasn't.

#### LISTEN.

There are four mistakes in this advertisement. Listen to the tape. Correct the mistakes and copy the paragraph into your exercise book.

#### Do you want a quiet, relaxing vacation?

Look no further than beautiful southern Queensland. Stay right on the beach

at the Coconut Palm Inn. Take guided tours through the jungle, swim in the crystal-clear water of the Coral Sea and snorkel amongst the coral of the Great Barrier Reef Marine Park - a World Heritage Site.

Call (077) 6824 3927 for more information.



#### READ.

Centuries ago in Ancient Greece, a man by the name of Antipater of Sidon compiled a list of what he thought were the seven wonders of the world. The seven included the Hanging Gardens of Babylon in present-day Iraq, the Statue of Zeus in Greece, and the Pyramid of Cheops in Egypt. The pyramid is the only wonder you can still see today.

Many people claim that there were other wonders, which the ancient Greeks knew nothing about. These include the Great Wall of China, the Taj Mahal in India and Angkor Wat in Cambodia.

Angkor Wat should really be known as a wonder because it is the largest temple in the world. The temple was built around the year 1100 to honor a Hindu God, but over the next three centuries it became a Buddhist religious center. The area surrounding the temple, Angkor Thom, used to be the royal capital city.

In the early 15th century, the Khmer rulers moved to Phnom Penh and Angkor was quiet. It now is a famous tourist attraction.

Complete the sentences.	
<ul><li>a) The only surviving wond</li><li>A. the Great Wall of C</li><li>B. the Statue of Zeus</li></ul>	hina C. the Pyramid of Cheops
b) Angkor Wat was origina	lly built for
<ul><li>A. Hindus</li><li>B. Buddhists</li></ul>	<ul><li>C. kings</li><li>D. the citizens of Phnom Penh</li></ul>
c) Angkor Wat	
<ul><li>B. is one of the seven</li><li>C. is a pyramid</li><li>D. was part of a royal</li></ul>	wonders of the world  Khmer city a long time ago
d) In the 1400s, the Khmer	King
A. built Angkor Wat B. chose Phnom Penh C. turned Angkor Wat	

D. moved the temple to Phnom Penh

#### WRITE.

Complete the letter Tim sent to Hoa about his trip to the Grand Canyon.
 Insert the letters of the missing sentences.

May 29, 2003
Dear Hoa,
How are you? (1). C
My class has just returned from a trip to the Grand Canyon in Arizona.  (2) We spent a week there and 9 didn't want to leave.
Although it was summer, it was quite cool at night because the area is more than 2,000 meters above sea level.
On our first day, a park ranger led us on a guided hike along the edge of the canyon. He talked about the history of the area. (3)
(4) What do you plan to do during the summer vacation? Write to me
after your exams.
Your friend,
Tim State of the Control of the Cont

- A. That's all I have time to tell you about.
- **B.** The Canyon is part of Grand Canyon National Park and it was formed by the Colorado River over millions of years.
- C. I hope you are studying hard for your exams next week.
- **D.** He also talked about the original inhabitants who lived there during the Stone Age.
- Write a letter to a friend. Tell him/her about a place you have visited recently. Use the following prompts to help you.

Place: Cuc Phuong National Park (Phong Nha Cave / Ha Long Bay, etc.)

Distance from your city / home: 100 km / 300 km / 12 hours by train / by coach, etc.

How to get there: by bus / train / airplane, etc.

Sights: beautiful / magnificent / breathtaking, etc.

Weather: temperate / sunny / cool / windy, etc.

How you feel: happy / excited / relaxed, etc.

#### Language focus

- · Passive forms galesten and the events with tracing
- Indirect questions with if and whether
- Question words before to infinitives
- verb + to infinitive
- 1. Complete the sentences. Use the passive form of the verbs in the box.

	constru	ct rea	ich	present	complet	e design
a) :	Sydney (	Opera House w	as comple	ted in 1973		
	The first 221 and		ection of the	ne Great Wa	ll of China	between
		el Tower r the Paris Wor			engineer Alex	ander Gustave
d)	The Stat	ue of Liberty _	to	the United S	States by Fran	ce in 1876.
		nmit of Moun on and a Nepal				rs of a British
He		Nga and Nhi of Viet Nam. R				World Cultural ga.
a)	Do you	know My Son	, Nga?	12		
		Nhi asked Ngo	a if she kn	ew My Son.		
	Or	Nhi asked Ngo	a whether	she knew M	y Son.	

- b) Is it far from Ha Noi?
- c) Is My Son in Quang Nam province?
- d) Do many people live at My Son?

	e) Do many tourists visit My Son every year?  f) Do you want to visit My Son one day?
2	
3.	Nga answered Nhi's questions. She then gave Nhi some additional information. Use the words to write about the information that Nga gave to Nhi.
	a) tell / how / go there  Nga told Nhi how to go there.
	b) show / where / get tickets
	c) point out / where / buy souvenirs
	d) advise / how / go from My Son to Hoi An
	e) tell / what / do there during the visit
4.	Complete the passage. Use either the <i>to-infinitive</i> or the <i>bare infinitive</i> form of the verbs in brackets.
	Nhi and her parents are visiting Hoi An and My Son. They are staying
	at a hotel near Cua Dai. Early this morning, Nhi decided (0) to go (go) for
	a run. She left the hotel and started (1) (jog) in the direction of Cua
	Dai beach. She thought she might (2) (go) along the beach for 20
	minutes before heading for the hotel. Unfortunately, after 10 minutes, dark clouds began (3) (gather) and it started (4) (rain). Nhi
	tried (5) (reach) a shelter, but within a few seconds she was

completely wet. So she decided (6) \_\_\_\_ (continue) her run because she

couldn't (7) (get) wetter!

# UNIT 15 COMPUTERS

#### GETTING STARTED.

Work with your partner. Make a list of how computers can help us.

- Computers save time.
- Selection to the Acc

#### 9100

#### LISTEN AND READ.

Nam: Dad, the printer isn't working.

Mr. Nhat: It is new. There shouldn't be anything wrong with it. Have you

turned it on yet?

Nam: Yes, I have already done it.

Mr. Nhat: Have you connected it properly?

Nam: Oh, Dad. I know how to connect a printer.

Mr. Nhat: Has the plug come out of the socket?

Nam: No, it's OK.

Mr. Nhat: I have no idea what the problem is. This manual isn't

very helpful.

Nam: Can you call the store you bought it from?

Mr. Nhat: I can, but I bought it in Ho Chi Minh City. I don't know

what they can do. However, it's under guarantee so the

company should do something with it.

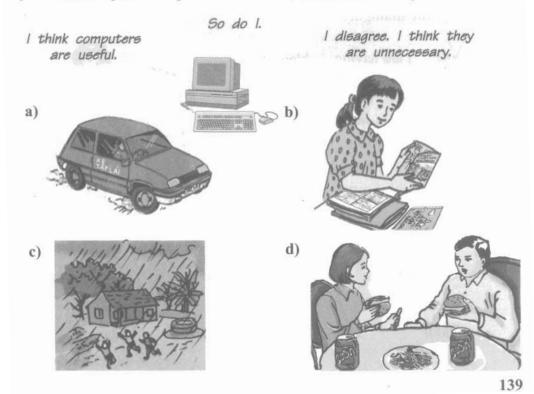
Nam: Let's phone them now.

- 1. Practice the dialogue with a partner.
- 2. Fact or opinion? Check (✓) the boxes.

	Fact	Opinion
a) The printer isn't working.		
b) There shouldn't be anything wrong with it.		
c) I know how to connect a printer.		
d) The manual isn't very helpful.		
e) I bought it in Ho Chi Minh City.		
f) I don't know what they can do.		

#### SPEAK.

1. Work with a partner. Look at the table and the pictures. Take turns to express and respond to opinions about the activities in the pictures.



difficult	boring and the	delicious	interesting
entertaining	unhealthy	challenging	easy
amusing	time-consuming	fun	dangerous

	agreement	Disagreement
So do I.		I disagree.
	I agree, but	
	Yes, but on the	I can't agree with you.
You're right.	other hand	
Neither do I.		No, I think
	So do I. I agree. You're right. Neither do I.	I agree, but You're right. Yes, but on the other hand

#### 2. Read the dialogue.

Lan: I am having problems with

my computer.

Ba: What's wrong?

Lan: It doesn't work. I think

it's broken.

Ba: No. You didn't plug it in!

Lan: Oh! Sorry.

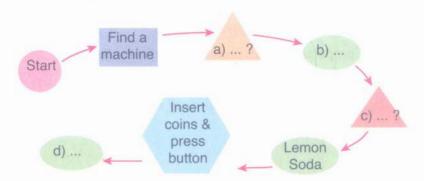


Now make similar dialogues about these items. Use the information in the table in exercise 1.

Item	Problem	Solution
printer	won't print	turn it on
monitor	screen is too dark	adjust the knob
mouse	doesn't work	check the plug

#### LISTEN.

Copy the flow chart into your exercise book. Then listen and complete it.



#### READ.

A new university without a library has recently opened in the USA. All the information normally found in a library is now stored in the university's computers. Without leaving their computers, users can send messages and receive information through telephone lines. However, this means that each student must have access to a computer, and many universities are making this a requirement for freshmen. College campuses now have computer jacks in every part of the university. Study is no longer restricted to just one location.

Computer bulletin boards are used in the same way as traditional ones in schools and colleges. The difference is that over 20 million people may have access to them. If students want to discuss math at 3 am, it's not a problem. They post messages on the bulletin board and find other people who want to talk about the same topic.

Technology now means students can get a degree without being on campus. There are people who are skeptical about this new method of education, but their concerns have had little impact.

. True or false? Check (✓) the boxes.	T	F
a) There is a new university without a library in the USA recently.	1	
b) Users can send and receive messages by using computers.		
		14

c)	First-year students in many universities are required to	
d)	have access to a computer.  Students have to go to computer rooms to connect their	
e)	computers to the computer jacks.  Computer bulletin boards are the same as the traditional ones.	
f)	Not all people think positively about the new method	
	of study off campus.	

#### 2. Answer.

- a) What makes the new university different from others?
- b) What type of information is available through the computer?
- c) What type of equipment is necessary for first-year students?
- d) What is the difference between a traditional bulletin board and the one on the internet?
- e) Would you like to complete a college degree from home? Why/Why not?

#### WRITE.

1. Match the words with the numbers in the picture.

a)	paper input tray
b)	monitor screen
c)	power button
d)	icon 2————————————————————————————————————
e)	output path
f)	power power
	[Territoria] (200 M M M M M M M M M M M M M M M M M M

## 2. Look at the pictures and the words. Write the instructions on how to use the printer.

Plug in the printer and turn on the power.



Remove / old paper / load / new paper / input tray.





Wait / power button / flash.





Have / pages / appear / computer screen.





The printed paper will come out of the output path in a minute.



### Language Focus

- Present perfect with yet and already
- Comparison of present perfect and past simple
- Ba's mother has just been back from the market. She wanted him to do some housework while she was at the market. Ba made notes in his diary and checked (✓) the work he has done. Look at Ba's diary and complete the dialogue using YET and ALREADY.

Do homework

Tidy the room ×

Turn off the washing machine

Call and tell Aunt Le to have lunch ✓

Ba's mother:	Have you finished your homework	yet, Ba?
Ba:	Yes,	, Mom.
Ba's mother:	Good. What about your room? Is it	t tidied now?
Ba:	I'm sorry, Mom.	
Ba's mother:	Bad boy, Ba. And the washing mad it off yet?	chine! Have you turned
Ba:	Don't worry, Mom.	
Ba's mother:	Have you called and told Aunt Le to	have lunch with us today?
Ba:	Yes. said she would come.	, and she

- Has the flight to Vientiane - Has the flight from Los Angeles

departed yet? arrived yet?

- Yes. It has already departed. - No. It hasn't arrived yet.

### **DEPARTURES**

Flight	To	Time	Status
			c) Siçe bas fi
VN 34	Vientiane	7.25	Departed
CX 802	Hong Kong	7.45	
AF 19	Paris and dire	7.50	Departed
TG 109	Bangkok	7.55	f) Sombone to
GS 05	Singapore mon	8.15	

### ARRIVALS

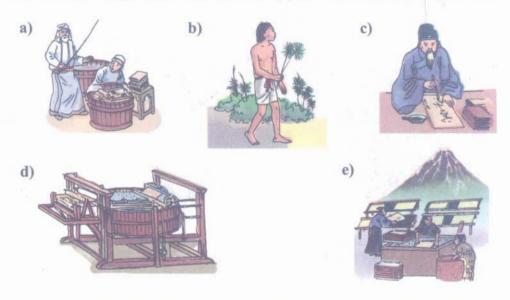
Flight	То	Time	Status
VN 888	Los Angeles	6.55	
PA 45	Manila	7.10	Arrived
GA 127	Jakarta	7.40	Arrived
MS 284	Kuala Lumpur	7.50	Arrived
AI 84	Delhi	8.30 E) IsidV	

	9	finished action	incomplete action
a) I've b	een to Sa Pa highlands.	1	
b) They	They have lived in Ca Mau for 10 years.  She has finished her homework.		/
c) She h			
	s worked with the computer since morning.		
e) We ha	we found the problems with the printer.		
f) Some	one has unplugged the printer.		
	e have received information through ternet recently.		
Nam:	Yes, I have.		
Ba:	When you it?		
Nam: Loan:			(not have)
Nam:	When you it? I it three months ago.		(not have)
Nam: Loan:	When you it? I it three months ago.  We (2) a vacation since last year.		(not have)
Nam: Loan: Chi:	When you it? I it three months ago.  We (2) a vacation since last year. Why not?	hen.	
Nam: Loan: Chi: Loan:	When you it? I it three months ago.  We (2) a vacation since last year. Why not?  My parents (3) very busy since the second street of the second str	hen.	(be)
Nam: Loan: Chi: Loan: Nga:	When you it? I it three months ago.  We (2) a vacation since last year.  Why not?  My parents (3) very busy since to the news about National States.	hen. nm?	(be) (hear)
Nam: Loan: Chi: Loan: Nga: Mai:	When you it? I it three months ago.  We (2) a vacation since last year.  Why not?  My parents (3) very busy since to the news about National No. What (5) ?	hen. nm? ging.	(be) (hear) (happen) (have)
Nam: Loan: Chi: Loan: Nga: Mai:	When you it? I it three months ago.  We (2) a vacation since last year. Why not?  My parents (3) very busy since to the news about National Notation with the news about National Notation Notatio	hen. nm? ging.	(be) (hear) (happen) (have)
Nam: Loan: Chi: Loan: Nga: Mai: Nga: Sung:	When you it? I it three months ago.  We (2) a vacation since last year. Why not?  My parents (3) very busy since to the news about National Notation with the news about National Notation Notatio	hen. nm? ging.	(be) (hear) (happen) (have) (fall, break)
Nam: Loan: Chi: Loan: Nga: Mai: Nga: Sung:	When you it? I it three months ago.  We (2) a vacation since last year. Why not?  My parents (3) very busy since to the news about National No. What (5) ?  He (6) an accident. He was jogg He suddenly (7) and (8) his (9) the plane yet?  Yes, it	hen. nm? ging.	(be) (hear) (happen) (have) (fall, break)

# UNIT 16 INVENTIONS

#### GETTING STARTED.

Match these stages in the development of paper with the correct pictures.



- **A.** Five thousand years ago, the Egyptians wrote on a plant called papyrus.
- B. A Chinese official made paper from wood pulp in the year 105.
- C. The Japanese learned how to make paper in the seventh century.
- **D.** In 768, Arabs learned about papermaking from Chinese prisoners.
- **E.** The first papermaking machine was invented in the late 1700s by a Frenchman.

### LISTEN AND READ.

### 1. Practice the dialogue with a partner.

Tim Jones, Hoa's American pen pal, is visiting a chocolate factory with his class and his teacher, Mrs. Allen. Mr. Roberts, the factory foreman, is showing them around.



Mr. Roberts: This is where the cacao beans are stored. Now follow me

and I'll show you the first step in the manufacturing process.

**Tim:** Sam, what do you think this button is for?

Sam: I have no idea.

Mrs. Allen: Tim! Sam! Come here!

Mr. Roberts: Children, don't touch that button! Now, the beans are washed,

weighed, and cooked here.

Mrs. Allen: Tim, come and stand beside me. I told you to behave!

Mr. Roberts: After the shells are removed, the beans are crushed and

liquified. Cocoa butter is added, along with sugar, vanilla and milk. Then the mixture is ground, rolled and poured

into molds.

Tim: It looks delicious.

Sam: Can we taste any?

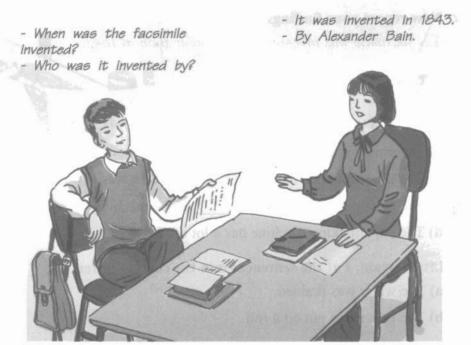
Mr. Roberts: Yes, there's some beside the conveyor belt.

- 2. Match the half-sentences. Then write the full sentences in your exercise book.
  - a) The beans are cleaned
  - b) Mr. Roberts thought
  - c) After cooking,
  - d) Sugar is

- **A.** the cacao beans smell like chocolate.
- **B.** one of the ingredients in chocolate.
- C. Tim and Sam were going to touch the button.
- D. before being cooked.

#### SPEAK.

1. Work with a partner. Student A looks at the table next page. Student B looks at the table at the end of this unit (page 156). Ask and answer questions to fill in the missing information in your tables.



#### STUDENT A

Invention	Date		Inventor	Nationality
	the cac: o	A	Friedrich Koenig	German
	1816		Karl D. Sauerbronn	
Facsimile				
	1845		Elias Howe	American
Reinforced concrete				
Microphone	1878	U		
X-ray	1895			
Loudspeaker	1924		C.W. Rice	American
Helicopter			Igor Sikorsky	
Color television	1950		Peter Carl Goldmark	American
	1955		Narinder Kapany	German
Laser	1958		Gordon Gould	American

2. Now report your findings to the teacher.

The facsimile was invented by Alexander Bain in 1843.

### LISTEN.

- 1. Listen and fill in the gaps in these sentences.
  - a) Papermaking is a (1) \_\_\_\_\_ process.
  - b) The procedure is almost the (2)\_\_\_\_\_ as it was (3)\_\_\_\_ years ago.
  - c) The pulp vat is on the (4)\_\_\_\_\_ of the machine.
  - d) The papermaking machine has a lot of (5)
- 2. Listen again. Put the sentences into the correct order.
  - a) The water was drained.
  - b) The paper was put on a roll.

- c) Paper pulp was placed in the vat.
- d) Paper pulp was mixed with water.
- e) The pulp fibers were poured out.
- f) The fibers were smoothed and pressed dry.
- g) The pulp was conveyed under the rollers.

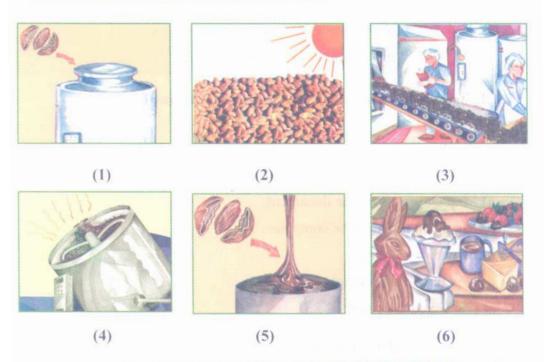
#### READ.

Read the following poem about inventions.

Up-to-Date Look what I bought today in town The very latest thing A microwave that says be-doom! A toaster that goes ping! The vacuum goes chugga-chug! The hairdryer says vroom! The dishwasher pulls out its plug And gives the loudest boom! 3. The telephone is new as well The latest I have found It has a pretty colored bell And doesn't make a sound. (adapted from a poem by Martin Lawrence)

1.	Match the head	ings to the verses.	
	Verse 1	a. Instrument invented by Alexander Graham Bell	
	Verse 2	b. Appliances that cook food	
	Verse 3	c. Appliances that clean or dry things	
2.	Fill in each of poem.	he gaps in the sentences with one "invention" in the	9
	a) "Joan, where"	the (1)? I want to clean the floor."	
		as reading in the bedroom when the (2) rang. It ld friend I didn't see for more than twelve years.	
		is a kitchen appliance that automatically washes, as dishes and utensils.	
	d) "Jane, why do	n't you put the meat in the (4) to defrost it?"	
	e) "Can I borrow	your (5)? I've just washed my hair."	
		new how to toast bread over an open fire two thousand now toast bread with a (6) on the table.	
		10 Aug. 10 B	
W	RITE.		
1.	Fill in each ga procedure of pa	with one of these sequence markers to describe the permaking.	e
	first	then (2) next after this finally	
		How Paper Is Made	
	(1), lo	gs are cut into small chips. (2) they are mixed wit	h
	water and acid. (	3) they are heated and crushed into a heavy pulp	).
	This wood pulp	is also cleaned and chemically whitened. (4), it i	S
	passed through	ollers to be flattened. (5), sheets of wet paper ar	e
	produced. (6)_	, the water is removed from the sheets which ar	e
	pressed, dried an	d refined until the finished paper is produced.	

### 2. Look at the sequence of pictures that describe how cacao beans are processed. Put them in the correct order.



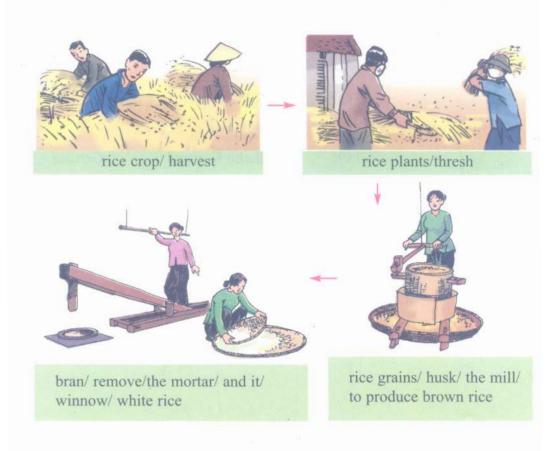
Now use the sequence markers in exercise 'write 1.' to link the sentences together in a paragraph.

- a) The beans are dried in the sun.
- b) They are shelled and ground to produce chocolate liquor.
- c) The beans are roasted to bring out the chocolate flavor.
- d) The fruit harvest is fermented for three to nine days to kill the beans and turn them brown.
- e) The beans are cleared in special machines.
- f) The liquor is made into chocolate candy or cocoa powder.

### Language Focus

	• Pass	ive forms		
	• Sequ	ience markers		
1. Change t	he sentences fr	om the active into	the passive.	
Example:		rote the letter.		
=>	The letter wa	as written by Miss L	ien.	
a) Mrs. Q	Quyen typed the	document.		
b) Mr. Ni	han repaired the	e computer.	1	
c) Ba dre	w the picture.			
d) Hoa tu	urned off the lig	thts.		
e) Lan ba	aked the cake.			
	r Passive? Use these sentence	e the correct formes.	of the verbs	in brackets to
a) The gr	rand prize	to the Hoa Vin	h Village team.	(award)
b) Viet N	Jam two	gold medals on the	first day of the	Games. (win)
c) Last y	ear Mrs. Jackso	on a small bus	siness around th	e corner. (run)
	n firm.	by Quang Vinh	Ltd. before it _	(run / sell)
e) Thanh	Ha School	for two days la	st week due to	a flood. (close)
	, -	is a		
3. Put a que		of the underlined p	ohrases in the s	sentences below
The	facsimile was i	nvented by Alexand	er Bain in 1843	1
Whe	en was the facsi	mile invented?		

- a) The zipper was invented by W.L. Judson in 1893.
- b) Maize was brought into Viet Nam by Phung Khac Khoan in the 16th century.
- c) The fountain pen was invented by Lewis Waterman in 1884.
- d) The ballpoint pen was invented in Hungary by brothers Lazlo and Georg Biro in 1935.
- e) Xerography is widely used in commerce and industry in copying machines.
- 4. Use the sequence markers first, then, next, after this and finally to describe how white rice is produced in the traditional way. The pictures and prompts will help you.



### STUDENT B

Invention	Date	Inventor	Nationality
	1924	C.W. Rice	C) The Jounnalia
		Gordon Gould	
		Peter Carl Goldmark	
Bicycle	1816		German
Facsimile	1843	Alexander Bain	English
Helicopter	1939	aip you.	American
Microphone		D.E. Hughes	American
Optical fiber	1955		
Printing Press	1810	Friedrich Koenig	
	1849	F. J. Monier	French
Sewing machine		Elias Howe	
	1895	Wilhelm Konarad	German

### GLOSSARY

## PRONUNCIATION SYMBOLS of the International Phonetic Alphabet (IPA)

Vowel	Symbols
æ	bat, hand
O	hot, barn
a:	aunt, tomato (variant pronunciations,
ã	genre (variant pronunciation)
	bite, sky
αU	house, now
e	bet, head
eı	late, play
1	fit, bit
i:	feet, please
i	either /i:/ or /ɪ/
0:	saw, dog
õ:	
21	boy, join
OU	go, boat
U	put, good
u:	rude, boot
Λ	cut, love
Ã	Huh
3	bird, fur (Used only before /r/
	in stressed syllables.)
	150 Marian

### Other symbols

sitter, alone

/ Stress n	ark placed before a syllable
with the	heaviest stress, as before the
first syll	able of business / biznes /.
/ Stress n	nark placed before a syllable

with lighter stress, as before the last syllable of businesslike / 'biznes,laik /.

/ - / The hyphen shows that only part of a variant pronunciation is given. It also represents a syllable in showing stress patterns for phrasal verbs.

#### **Consonant Symbols**

bid, job

	bid, job
d	do, lady
d <sub>3</sub>	jump, bridge
f	foot, safe
g	go, dog
h	home, behind
hw	which, where (Many people
	say /w/ instead of /hw/.)
j	yes, onion
k	kiss, come
1	look, pool
91	little, metal (Used in a syllable
	with no vowel sound.)
m	many, some
əm	hm (Used in a syllable with
	no vowel sound.)
n	need, open
ən	hidden, cotton (Used in syllable
	with no vowel sound.)
ŋ	sing, sink
p	pen, hope
r	road, card
S	see, recent
S	shoe, nation
t	team, meet
ŧ θ	meeting, latter
	think, both
ð	this, father
t∫	choose, rich
V	visit, save
W	watch, away
X	Chanukah (variant pronunciation)
Z	zoo, these
3	beige, measure

Unit Unit	1 1000000000000000000000000000000000000		countless	/ 'kauntləs /	[a] vô số, vô kể
			deaf-mute	/ def-mju:t /	[n] tật vừa câm, vừa điếc
annoy	/ o'noi /	[v] làm khó chịu,	demonstrate	/ 'demon,streit /	[v] biểu diễn
blond	/ bland /	làm bực mình [a] vàng hoe (tóc)	device	/ di'vais /	[n] thiết bị, dụng cụ, máy móc
character	/ 'kærıktər /	[n] tính nết, tính cách	directory	/ dəˈrektəri, daı- /	[n] danh bạ (điện thoại)
curly	/ 'karli /	[a] quăn, xoăn (tóc)	emigrate	/ 'ema,greit /	[v] xuất cảnh, di cư
fair	/ fer, fær /	[a] trắng (da), vàng nhạt (tóc)	exhibition	/ ¡eksə¹bɪʃən /	[n] cuộc triển lãm, trưng bày
generous	/ dʒenərəs /	[a] rộng lượng, rộng rãi, hào phóng	experiment	/ ik'sperəmənt /	[n] cuộc thí nghiệm, cuộc thử nghiệm
joke	/ d3ouk /	[n] lời nói đùa, chuyên đùa	fishing rod	/ 'fifin rad /	[n] cần câu
orphanage	/ 'o:rfənidʒ /	[n] trại mổ côi	message	/ 'mesid3 /	[n] thông báo, lời
reserved	/ ri'zarvd /	[a] kín đảo, dè dặt	mossago	/ mesiag /	nhắn
rise	/ raiz /	[v] mọc (mặt trời)	mobile	/ 'moubəl, -bail /	[a] di động
seem	/ si:m /	[v] có vẻ như, dường như	stationery	/ 'sterfə,neri /	[n] đổ dùng văn phòng (giấy, bút)
slim	/ slim /	[a] người thanh, mảnh dẻ	transmit	/ trænz'mit /	[v] truyển, phát (tín hiệu)
sociable	/ 'soufabal /	[a] dễ gẩn gũi, dễ chan hoà, hoà đồng			hood share to sarple to a
straight	/ streit /	[a] thẳng	Unit	2	
volunteer	/ valen'tir /	[a] tình nguyện	un Unit	syllables.)	
		10 back /1	bead	/ bi:d /	[n] hạt, vật tròn nhỏ
Unit :		u soda 1	chore	/ tʃɔ:r, tʃour /	[n] công việc trong nhà, việc vặt
	tolyle!	(100000)	wardrobe	/ wo:rdroub /	[n] tủ quần áo
agree	/ əˈgri: /	[v] đồng ý, bằng lòng, thoả thuận	cupboard	/ 'kabərd /	[n] tủ chạn, tủ li
arrange	/ ə¹reindʒ /	[v] sắp xếp, sắp đặt, thu xếp	injure	/ 'mdʒər /	[v] làm bị thương, chấn thương
assistant	/ ə'sistənt /	[n] người giúp đỡ,	knife	/ naif/	[n] con dao
	White-John Wile Will	người phụ tá	match	/ mætʃ /	[n] que diêm
commercial	/ kəˈmɜr∫əl /	[a] (thuộc) buôn	object	/ 'abd31kt /	[n] vật, đổ vật
		bán, thương mại	precaution	/ prɪˈkɔːʃən /	[n] sự phòng ngừa,

[a] truyển thống

rice cooker	/ rais kokər /	[n] nổi cơm điện
rug	/ rag /	[n] thảm, tấm thảm trải sàn
safety	/'serfti /	[n] sự an toàn
saucepan	/ 'sɔ:spæn /	[n] cái chảo
scissors	/'sizərz/	[n] cái kéo
sink	/ siŋk /	[n] bổn rửa bát đĩa
socket	/'sakət/	[n] ổ cắm điện, đui đèn
steamer	/ 'sti:mor /	[n] nổi hấp, nổi đun hơi

behavior / bɪ'heɪvjər / [n] hành vi, cử chỉ comment / 'kament / [n] lời phê bình, lời nhận xét co-operation / kouˌapə'reɪʃən / [n] sự hợp tác fair / fer, fær / [a] khá tốt, tương đối tốt habit / 'hæbət / [n] thói quen highlight / 'haɪlaɪt / [v] làm nổi bật lunar / 'luːnər / [a] thuộc về mặt	upset	/ ap'set /	[a]	buổn phiền, thất vọng
behavior / bɪ'heɪvjər / [n] hành vi, cử chỉ comment / 'kament / [n] lời phê bình, lời nhận xét co-operation / kou,apə'reɪʃən / [n] sự hợp tác fair / fer, fær / [a] khá tốt, tương đối tốt habit / 'hæbət / [n] thói quen highlight / 'haɪlaɪt / [v] làm nổi bật lunar / 'luːnər / [a] thuộc về mặt trăng, âm lịct meaning / 'miːnɪŋ / [n] nghĩa, ý nghĩa memory / 'meməri / [n] tiếng mẹ đẻ participation / par,tɪsə'peɪʃən / [n] sự tham gia pronunciation/ prə,nʌnsi:'eɪʃən / [n] sự tham gia pronunciation/ prə,nʌnsi:'eɪʃən / [n] tự hào satisfactory / ˌsætəs'fæktəri / [a] thoả măn spell / spel / [v] đánh vần lin học ki, thời hạn underline / 'ʌndər,laɪn / [v] gạch chân	wisdom	/ mcbziw¹ /	[n]	
behavior / bɪˈheɪvjər / [n] hành vi, cử chỉ chỉ comment / ˈkament / [n] lời phê bình, lời nhận xét co-operation / kou,apəˈreɪʃən / [n] sự hợp tác fair / fer, fær / [a] khá tốt, tương đối tốt habit / ˈhæbət / [n] thói quen highlight / ˈhaɪlaɪt / [v] làm nổi bật lunar / ˈluːnər / [a] thuộc về mặt trăng, âm lịch meaning / ˈmiːnɪŋ / [n] nghĩa, ý nghĩa memory / ˈmeməri / [n] trí nhớ mother tongue / ˈmʌðər tʌŋ / [n] tiếng mẹ đẻ participation / par,tɪsəˈpeɪʃən / [n] sự tham gia pronunciation/ prə,nʌnsiːˈeɪʃən / [n] cách phát ân proud (of) / praud_əv / [a] tự hào satisfactory / ˌsætəsˈfæktəri / [a] thoả măn spell / spel / [v] đánh vần lunderline / ˈʌndər,laɪn / [v] gạch chân				
chỉ  comment / 'kament /  [n] lời phê bình, lời nhận xét  co-operation / kou,apə'reɪʃən /  [n] sự hợp tác  fair / fer, fær /  [a] khá tốt, tương đối tốt  habit / 'hæbət /  [n] thối quen  highlight / 'harlaɪt /  [unar / 'lu:nər /  [a] thuộc về mặt trăng, âm lịch  meaning / 'mi:nɪŋ /  [n] nghĩa, ý nghĩa  memory / 'meməri /  [n] trí nhớ  mother tongue  [n] tiếng mẹ đẻ  participation / par,trsə'peɪʃən / [n] sự tham gia  pronunciation/ prə,nʌnsi:'eɪʃən / [n] tự hào  satisfactory / ˌsætəs'fæktəri / [a] thoả mãn  spell / spel /  term - / tərm / [n] học ki, thời hạn  underline / 'ʌndər,laɪn / [v] gạch chân	Unit :	5 (2003)		
lời nhận xét  co-operation / kou,apə'reiʃən / [n] sự hợp tác  fair / fer, fær / [a] khá tốt, tương đối tốt  habit / 'hæbət / [n] thói quen  highlight / 'hailait / [v] làm nổi bật  lunar / 'lu:nər / [a] thuộc về mặt  trăng, âm lịch  meaning / 'mi:niŋ / [n] nghĩa, ý  nghĩa  memory / 'meməri / [n] tiếng mẹ đẻ  participation / par,tisə'peiʃən / [n] sự tham gia  pronunciation/ prə,nʌnsi:'eiʃən / [n] cách phát ân  proud (of) / praud,əv / [a] tự hào  satisfactory / ˌsætəs'fæktəri / [a] thoả măn  spell / spel / [v] đánh vần  term / tɜrm / [n] học kì, thời  hạn  underline / 'ʌndər,laɪn / [v] gạch chân	behavior	/ bi'heivjər /	[n]	
fair / fer, fær / [a] khá tốt, tương đối tốt habit / 'hæbət / [n] thói quen highlight / 'haɪlaɪt / [v] làm nổi bật lunar / 'luːnər / [a] thuộc về mặt trăng, âm lịcl meaning / 'miːnɪŋ / [n] nghĩa, ý nghĩa memory / 'meməri / [n] trí nhớ mother tongue / 'mʌðər tʌŋ / [n] tiếng mẹ đẻ participation / parˌtɪsə'peɪʃən / [n] sự tham gia pronunciation/ prəˌnʌnsi:'eɪʃən / [n] cách phát ân proud (of) / praudˌəv / [a] tự hào satisfactory / ˌsætəs'fæktəri / [a] thoả mãn spell / spel / [v] đánh vần term - / tɜrm / [n] học ki, thời hạn underline / 'ʌndərˌlaɪn / [v] gạch chân	comment	/ 'kament /	[n]	Committee of the Commit
dối tốt habit / 'hæbət / [n] thói quen highlight / 'haɪlaɪt / [v] làm nổi bật lunar / 'luːnər / [a] thuộc về mặt trăng, âm lịcl meaning / 'miːnɪŋ / [n] nghĩa, ý nghĩa memory / 'meməri / [n] trí nhớ mother tongue / 'mʌðər tʌŋ / [n] tiếng mẹ đẻ participation / par,tɪsə'peɪʃən / [n] sự tham gia pronunciation/ prə,nʌnsi:'eɪʃən / [n] cách phát ân proud (of) / praudˌəv / [a] tự hào satisfactory / ˌsætəs'fæktəri / [a] thoả măn spell / spel / [v] đánh vần term / tɜrm / [n] học kì, thời hạn underline / 'ʌndər,laɪn / [v] gạch chân	co-operation	/ kou apə reifən /	[n]	sự hợp tác
highlight / 'haɪlaɪt / [v] làm nổi bật lunar / 'luːnər / [a] thuộc về mặt trăng, âm lịct meaning / 'miːnɪŋ / [n] nghĩa, ý nghĩa memory / 'meməri / [n] trí nhớ mother tongue / 'mʌðər tʌŋ / [n] tiếng mẹ đẻ participation / parˌtɪsə'peɪʃən / [n] sự tham gia pronunciation/ prəˌnʌnsiː'eɪʃən / [n] cách phát ân proud (of) / praudˌəv / [a] tự hào satisfactory / ˌsætəs'fæktəri / [a] thoả măn spell / spel / [v] đánh vần term / tərm / [n] học ki, thời hạn underline / 'ʌndərˌlaɪn / [v] gạch chân	fair	/ fer, fær /	[a]	
lunar / 'lu:nər / [a] thuộc về mặt trăng, âm lịch meaning / 'mi:nɪŋ / [n] nghĩa, ý nghĩa memory / 'meməri / [n] trí nhớ mother tongue / 'mʌðər tʌŋ / [n] tiếng mẹ đẻ participation / par,tɪsə'peɪʃən / [n] sự tham gia pronunciation/ prə,nʌnsi:'eɪʃən / [n] cách phát ân proud (of) / praud əv / [a] tự hào satisfactory / ˌsætəs'fæktəri / [a] thoả măn spell / spel / [v] đánh vần term / tɜrm / [n] học kì, thời hạn underline / 'ʌndər,laɪn / [v] gạch chân	habit	/ 'hæbət /	[n]	thói quen
trăng, âm lịch meaning / 'mi:nɪŋ / [n] nghĩa, ý nghĩa memory / 'meməri / [n] trí nhớ mother tongue / 'mʌðər tʌŋ / [n] tiếng mẹ đẻ participation / par,tɪsə'peɪʃən / [n] sự tham gia pronunciation/ prə,nʌnsi:'eɪʃən / [n] cách phát ân proud (of) / praud_əv / [a] tự hào satisfactory / ˌsætəs'fæktəri / [a] thoả mãn spell / spel / [v] đánh vần term - / tɜrm / [n] học ki, thời hạn underline / 'ʌndər,laɪn / [v] gạch chân	highlight	/ 'harlart /	[v]	làm nổi bật
nghĩa  memory / 'meməri / [n] trí nhớ  mother tongue / 'mʌðər tʌŋ / [n] tiếng mẹ đẻ  participation / parˌtɪsə'peɪʃən / [n] sự tham gia  pronunciation/ prəˌnʌnsi:'eɪʃən / [n] cách phát ân  proud (of) / praud əv / [a] tự hào  satisfactory / ˌsætəs'fæktəri / [a] thoả măn  spell / spel / [v] đánh vần  term / tɜrm / [n] học ki, thời hạn  underline / 'ʌndərˌlaɪn / [v] gạch chân	lunar	/ 'lu:nor /	[a]	thuộc về mặt trăng, âm lịch
mother tongue / 'mʌðər tʌŋ / [n] tiếng mẹ đẻ participation / parˌtɪsə'peɪʃən / [n] sự tham gia pronunciation/ prəˌnʌnsi:'eɪʃən / [n] cách phát ân proud (of) / praud_əv / [a] tự hào satisfactory / ˌsætəs'fæktəri / [a] thoả mãn spell / spel / [v] đánh vần term / tɜrm / [n] học ki, thời hạn underline / 'ʌndərˌlaɪn / [v] gạch chân	meaning	/ tmi:niŋ /	[n]	
/ 'mʌðər tʌŋ / [n] tiếng mẹ đẻ participation / parˌtɪsə'peɪʃən / [n] sự tham gia pronunciation/ prəˌnʌnsi:'eɪʃən / [n] cách phát ân proud (of) / praudˌəv / [a] tự hào satisfactory / ˌsætəs'fæktəri / [a] thoả măn spell / spel / [v] đánh vần term / tɜrm / [n] học ki, thời hạn underline / 'ʌndərˌlaɪn / [v] gạch chân	memory	/ 'meməri /	[n]	trí nhớ
participation / par,trsə'perʃən / [n] sự tham gia pronunciation/ prə,nʌnsi:'eɪʃən / [n] cách phát ân proud (of) / praud əv / [a] tự hào satisfactory / ˌsætəs'fæktəri / [a] thoả măn spell / spel / [v] đánh vần term / tərm / [n] học ki, thời hạn underline / 'ʌndər,laɪn / [v] gạch chân	mother tong			Ζ.
pronunciation/ prəˌnʌnsi:'eɪʃən / [n] cách phát ân proud (of) / praudəv / [a] tự hào satisfactory / ˌsætəs'fæktəri / [a] thoả mãn spell / spel / [v] đánh vần term . / tɜrm / [n] học kỉ, thời hạn underline / 'ʌndərˌlaɪn / [v] gạch chân				A ST T
proud (of) / praud_əv / [a] tự hào satisfactory / ˌsætəs'fæktəri / [a] thoả mãn spell / spel / [v] đánh vẫn term / tsrm / [n] học ki, thời hạn underline / 'ʌndərˌlaɪn / [v] gạch chân				
satisfactory / ˌsætəsˈfæktəri / [a] thoả mãn spell / spel / [v] đánh vẫn term / tɜrm / [n] học kỉ, thời hạn underline / ˈʌndərˌluɪn / [v] gạch chân			100	
spell / spel / [v] đánh vẫn term / tarm / [n] học ki, thời hạn underline / 'ʌndər,laɪn / [v] gạch chân	COMPANIES AND AN	Bridge and the second	36.734	
term / tsrm / [n] học ki, thời hạn underline / 'ʌndər,laɪn / [v] gạch chân			1	
underline / 'Andər,laın / [v] gạch chân		10 Table 10		học kì, thời
	underline	/ 'andər,lam /	[v]	gạch chân

traditional / trəˈdiʃənəl /

-				~~~
	BC I	600		- 74
	9.7	$\mathbf{n}$		ca
	70.01	A-8-	ъ,	787

tie

/ tai /.

appear	/ ə'pır /	[v]	xuất hiện
cruel		[a]	độc ác, ác nghiệt
equipment	/ i'kwipmənt /	[n]	thiết bị
escape	/ r'skerp /	[v]	trốn thoát
excited	/ ik'sartəd /		hào hứng, phấn khởi
festival	/ 'festaval /	[n]	ngày hội, lễ hội
folk tale	/ fook terl /	[n]	chuyện dân gian
graze	/ greiz /	[v]	gặm cỏ
look after	/ luk æftər /	[v]	trông nom, chăm sóc
magically	/ mæd3rkəli /	[adv	] kì diệu
mark	/ mark /	[n]	dấu vết
own		[v]	có, sở hữu
rag	/ ræg /	[n]	quần áo rách, vải vụn
sound	/ sound /	[v]	nghe như, nghe có vẻ
straw	/ stro: /	[n]	rơm rạ

[v] trói buộc

Unit	O lepton was a lead of			Unit 7			
academic .	/ ¡ækə¹demik /	[a]	thuộc về học tập, thuộc chương trình chính quy	air-condition	red /er-kən'dıfənd / / ær-kən'dıfənd /	[a]	có điều hoà
application	/ æplo'keifən /	[n]	việc nộp đơn	airmail	/ ærmeil /		Manage do
awareness	/ əˈweənis /	[n]	nhận thức, kiến thức	atile and use	/ ermeil /	[n]	thư (gửi bằng) đường hàng
citizenship	/ˈsɪtəzənʃɪp /	[n]	quyển công dân				không, máy bay
drawing	/ 'dra:m /	[n]	tranh vē, sự	comfort	/ 'kamfort /	[n]	sự thoải mái
enroll	/ m'rool /	[v]	đăng kí vào	contact	/ 'kantækt /	[v]	tiếp xúc, liên hệ
fill out	/ fil_aut /	[v]	học điển (vào	convenient-	/ kən³vi:njənt /	[a]	thuận tiện, tiện lợi
			mẫu đơn)	discount	/ 'diskoont /	[n]	sự giảm giá
fund	/ fand /	[n]	quỹ, tiền quỹ	mall	/ l:cm /	[n]	khu thương
interest	/ 'introst / / 'intorost /	[n]	mối quan tâm, sở thích	notice	/ 'noutos /	[v]	mại lưu ý, lưu tâm
position	/ pəˈzɪʃən /	[n]	chức vụ, vi trí	pancake	/ pænkeik /	[n]	bánh bột mì,
recycle	/ ri:'saɪkəl /	[v]	tái chế				trứng, bơ rán hai mặt
resources	/ rit'sotrstz /			parcel	/ 'parsəl /	[n]	bưu kiện
	/ rî:'zɔ:rsız /	[n]	các nguồn tải nguyên	product	/ 'pradəkt / / 'pradakt /	[n]	sản phẩm
social	/ ˈsəuʃəl /		mang tính ất xã hội,	resident	/ 'rezadant /	[n]	cư dân
			ộc xã hội	roof	/ rucf, ruf /	[n]	mái nhà
tire	/tair/	[n]	lốp xe, vỏ	selection	/ səˈlekʃən /	[n]	sự chọn lựa
	19.16		(bánh) xe	serve	/ sarv /	[v]	phục vụ
tutor	/ 'tu:tər /	[n]	dạy phụ đạo người dạy phụ đạo	surface mail	/ 'sarfas meil /	[n]	thư (gửi bằng) đường bộ, thuỷ, thư
unite	/ jo¹naɪt /	[v]	đoàn kết				thường
				tasty			ngon, hợp khẩu vị
				wet market	/ wet 'market /	[n]	chợ cá tươi sống
				Line of			
				ev áo eff			
				1 500 (1)			

Unit:	8			burn	/ b3rn /	[n]	chỗ bỏng, vết bỏng
accessible	/ ik'sesəbəl / / æk'sesəbəl /	[a]	có thể được	conscious	/ 'kantʃəs /	[a]	trong trạng thái tỉnh táo
			sử dụng, có thể tiếp	crutch	/kratf/	[n]	cái nạng
			cận được	elevate	/ 'ela,veit /	[v]	nâng lên
adequate	/ 'ædīkwət /	[a]	đầy đủ	emergency	/ i mardzənsi /	[n]	tinh trạng
drought	/ draut /	[n]	nạn hạn hán				khẩn cấp, cấp cứu
face	/ feis /	[v]	đương đầu, đối mặt	eye chart	/ at tfart /	[n]	bảng đo thị lưc
facility	/ fəˈsɪləti /	[n]	cơ sở vật chất	fainting	/ 'feintin /	[n]	cơn ngất (xỉu)
flood	/ flad /	[n]	trận lụt	injection	/ in'dʒekʃən /		mũi tiêm
migrant	/ 'maigrant /	[n]	dân di cư	injudition)	in ageajon /	1111	(thuốc)
nature	/ 'neitfor /	[n]	thiên nhiên	minimize	/ sipmieum, cuim,	[v]	giảm đến
peaceful	/ 'pi:sfəl /	[a]	thanh bình	promise	/ 'praməs /	fel	mức tối thiểu
permanent	ly / 'pэrmənəntli /	[adv	] vĩnh viễn, mãi	shock	/ fak /		lời hứa
			mãi	SHOCK	7 Juk 7	[11]	cú sốc, choáng
plentiful	/ 'plentifal /	[a]	nhiểu	sterile	/ 'steral /	[a]	vô trùng
prefer	/ pri'fsr /	[v]	chuộng, thích (hơn)	sting (bee s	sting) / stm / (/bi:stm/)	[n]	vết đốt (ong
rural	/ 'rurəl /	[a]	thuộc nông	a facilitation	(1-2-26-7		đốt)
	later dall	HINDTHY	thôn	stretcher	/ 'stretʃər /	200000	cái cáng
strain		[n]	sự quá tải (dân số)	treatment	/ 'tri:tmont /		sự điều trị
struggle	7 'stragel /	[v]	đấu tranh	victim	/ 'viktəm /	10000	nạn nhân
tragedy	/ trædʒədi /	[n]	bi kịch	wound	/ wu:nd /	[n]	vết thương
typhoon	/ tar fuin /	[n]	trận bão lớn				
urban	/ ¹arban /	[a]	thuộc đồ thị, thành phố				
				Unit 1	10		
			Aprin / Wil	compost	/ 'kampoust /	[n]	phân xanh
			State of the state	decompose	/ di:kəm'pouz /	[v]	phân huỷ
Unit				deposit	/ di'pazət /	[n]	tiển đặt cọc
			knap	fabric	/ˈfæbrɪk /		sợi (vải)
bite	/ bait /	[n]	vết cắn, sự	fertilizer	/ 'fɜrt <sup>ə</sup> lɑɪzər /	[n]	phân bón
	000 (n) n(3)			glassware	/ 'glæswer / /'glæswær /	[n]	đổ dùng bằng thuỷ tinh

				Unit 1	2		
metal	/ 'meţ <sup>9</sup> l /	[n]	kim loại				
reduce	/ rı'du:s /	[v]	giảm, cắt	bother	/ 'baðər /	[v]	bận tâm
refill	/ ri:'fil /	[v]	giảm làm đầy lại	brochure	/ brouˈʃur /	[n]	tờ rơi, tập sách mỏng
representati				100000			hướng dẫn, giới thiệu,
reuse	/ repri'zentaţiv /		đại diện tái sử dụng	Africa order deut in			quảng cáo (du lịch, danh thắng v.v)
				carve	/ karv /	[v]	chạm khắc
Unit 1				gallery	/¹gæləri /	[n]	phòng trưng bày
unit i				include	/ m'klu:d /	[v]	bao gồm,
accommoda	ition			inolado	THE KILLY	[+]	gồm có, kể
	/ əˌkaməˈdeɪʃən /		. = 1				cå
		5552000	chỗ ở	itinerary	/ artinə,reri /	[n]	lộ trình
canoe	/ kəˈnu: /		ca-nô, xuồng	lava	/ 'lavə, 'lævə /	[n]	dung nham,
corn	/ ko:rn /	[n]	cây bắp, cây ngô	STATIS CANCELLAND			nham thạch
crop	/ krap /	[n]	vụ mùa, mùa màng	overhead	/ 'ouver,hed /	[adv	] phía trên đầu
departure	/ dr'partfər /	[n]	sự ra đi, sự khởi hành	pick up	/ pik np /	[v]	đến đón, rước (ai)
florist	/ 'flo:rəst /		Krioi riaiiii	pour	/ po:r /	[v]	đổ ra
moriot	/ 'flarest /	[n]	người bán	prison	/ 'prizon /	[n]	nhà tù
			hoa	sightseeing	/ 'sait,si:m /	[n]	đi ngắm
giant	/ d3aiənt /	[a]	to lớn, khổng lổ				cảnh, tham quan
import	/ im'po:rt /	[v]	nhập khẩu	valley	/ 'væli /	[n]	thung lũng
institute	/ 'tnstə,tu:t /	[n]	học viện, viện (nghiên cứu)	wharf	/ hwo:rf, wo:rf /		cẩu tàu, cầu cảng
limestone	/ 'laimstoon /	[n]	đá vôi	10.00			ourig (II)
magnificent	/ mæg¹nıfəsənt /	[a]	lộng lẫy, đẩy ấn tượng	-905,401			
recognize	/ 'rekig <sub>i</sub> naiz /	[v]	công nhận, nhận ra	1000			
stream	/ stri:m /	[n]	đồng suối	Unit 1	3		
sugar cane	/ 'ʃugər kem /	[n]	cây mía				
sunbathe	/ sanberð /	[v]	tắm nắng	award	/ əˈwɔ:rd /	[v]	tặng, tặng thưởng
tribe	/ traib /	[n]	bộ tộc, bộ lạc	100 Sept 112 1	(h )		
water buffal	o / 'wo:tər 'bʌfəlou /			carol	/ kærəl /	[n]	bài hát vui, ca ngợi/thánh ca
		[n]	con trâu	competition	/ kampəˈtɪʃən /	[n]	cuộc tranh tà
waterfall	/ wo:tər,fo:l /	[n]	thác nước	council	/ 'kaunsəl /	[n]	hội đồng

festival	/ 'festəvəl /	[n]	lễ hội
fetch	/ fetʃ /	[v]	lấy, mang về
husk	/ hask /	[n]	vỏ trấu
jolly	/ ¹dʒali /	[a]	vui nhộn, vui vẻ
participate	/ par'tisə,peit /	[v]	tham gia
patron saint	/ 'peitron seint /	[n]	thánh bảo hộ
pomegranate	9		
	/ 'pamə,grænət/	[n]	quả lựu
separate	/ 'sepo <sub>i</sub> reit /	[v]	tách rời
teammate	/ 'ti:meɪt /	[n]	đồng đội
urge	/ ard3 /	[v]	thúc giục
yell	/ jel /	[v]	hét to, la to (cổ vũ)

### Unit 14

claim	/ klerm /	[v]	khẳng định, tuyên bố
compile	/ kəm'paıl /	[v]	biên soạn, tập hợp
crystal-clear	/ ¹krist <sup>9</sup> l klir /	[a]	trong suốt (như pha lê)
edge	/ edʒ /	[n]	ria, mép
god	/ gad /	[n]	vị thần
heritage	/ 'herəţidʒ /	[n]	di sån
jungle	/ 'dʒʌŋgəl /	[n]	rừng rậm nhiệt đới
marine	/ mə¹ri:n / ·	[a]	thuộc biển, hàng hải
memorial	/ məˈmɔːri:əl / / məˈmoʊri:əl /	[n]	tượng đài, đài tưởng niệm
ranger	/ 'remdʒər /	[n]	nhân viên phụ trách khu bảo tồn thiên nhiên, kiểm lâm
religious	/ rɪˈlɪdʒəs /	[a]	thuộc tôn giáo

royal	/ leicil /	[a]	hoàng tộc, hoàng gia
snorkel	/ 'sno:rkəl /	[v]	bơi lặn có sử dụng ống thở
surround	/ səˈrɑund /	[v]	bao quanh, vây quanh
twin towers	/ twin 'tauarz /	[n]	tháp đôi
wonder	/ wander /	[n]	ki quan

### ■ Unit 15 ■

skeptical

/ 'skeptikəl /

adjust	/ p¹d3Ast /	[v]	điều chỉnh
bulletin	/ 'bulət <sup>ə</sup> n / / 'bulətən /	[n]	bản tin
challenging	/ 'tʃæləndʒıŋ /		mang tính ich thức
concern	/ kən'sərn /	[n]	mối quan tâm
connect	/ kəˈnekt /	[v]	kết nối
degree	/ dɪˈgri: /	[n]	bằng cấp
dócument	/ 'dakjəmənt /	[n]	văn bản, tài liệu
fix	/ fiks /	[v]	sửa chữa
freshman	/ 'fresmən /	[n]	sinh viên năm thứ nhất
install	/ inistoil /	[v]	cài đặt
jack	/ d3æk /	[n]	ổ cắm
jam	/ d3æm /	[n]	sự tắc nghẽn
manual	/ 'mænjowəl /	[n]	sách hướng dẫn sử dụng, sổ tay
post	/ poust /	[v]	đưa thông tin lên mạng, gửi qua đường bưu điện
printer	/ 'printer /	[n]	máy in
requirement	/ ri¹kwairmənt /	[n]	sự yêu cẩu
restrict	/ rɪˈstrɪkt /	[v]	giới hạn, hạn chế

[a] (có tư tưởng) hoài nghi

III Unit	16			manufacture	e/,mænjə'fæktfər/	[v]	sản xuất, chế biển
conveyor-b				microwave	/ 'maikrə,weiv /	[n]	vi sóng
	/ kən'verər 'belt /	[n]	băng tải, băng truyền	mold	/ mould /	[n]	cái khuôn đúc
crush	/ kraf / _	[v]	nghiển nát	process		[n]	] quy trình, quá
facsimile	*/ fæk'sıməli /	[n]	máy fax				trình
grind	/ gramd /	[v]	xay nhỏ	pulp	/ palp /	[n]	bột giấy
hairdryer	/ 'her,draiər/ / 'hær,draiər /	[n]	máy sấy tóc	reinforced concrete	/ ri:ən'fə:rst 'ka:ŋkri:t /	[n]	bê tông cốt
helicopter	/ 'helə,kaptər /				thép		
	/ 'hi:ləˌkaptər /	[n]	máy bay lên thẳng	remove	/ ri'mu:v /	[v]	lấy ra, loại ra
liquify	/ 'lıkwə,faı /	[v]	làm cho thành nước.	toaster	/ 'toustor /	[n]	máy nướng bánh mì
		thành chất wìre		wire	/ wair /	[n]	dây điện
	er / 'laud <sub>i</sub> spi:kər / '	[n]	loa (phóng thanh)				





CHẤT LƯƠNG QUỐC TẾ

### SÁCH GIÁO KHOA LỚP 8

- 1. Ngữ văn 8 (tập một, tập hai)
- 2. Lich sử 8
- 3. Địa lí 8
- 4. Giáo dục công dân 8
- 5. Âm nhạc và Mĩ thuật 8
- 6. Toán 8 (tập một, tập hai)
- 7. Vật lí 8
- 8. Hoá học 8

- 9. Sinh học 8
- 10. Công nghệ 8
- 11. Tiếng nước ngoài:
  - Tiếng Anh 8
  - Tiếng Nga 8
    - Tiếng Pháp 8
    - Tiếng Trung Quốc 8

Gia: 12.000đ